

TẬP ĐOÀN XĂNG DẦU VIỆT NAM
CÔNG TY TNHH MTV XĂNG DẦU HÀ NAM

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
Của giai đoạn I Dự án “Xây dựng kho xăng dầu Hà Nam”

Hà Nam, tháng 12 năm 2024

TẬP ĐOÀN XĂNG DẦU VIỆT NAM
CÔNG TY TNHH MTV XĂNG DẦU HÀ NAM

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

Của giai đoạn I Dự án “Xây dựng kho xăng dầu Hà Nam”

CÔNG TY TNHH MTV XĂNG
DẦU HÀ NAM



[Handwritten signature]

GIÁM ĐỐC
TRƯƠNG VĂN CHIÊU

Hà Nam, tháng 12 năm 2024

MỤC LỤC

MỤC LỤC.....	i
DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT.....	iv
DANH MỤC CÁC BẢNG.....	v
DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ.....	vi
CHƯƠNG I: THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ.....	1
1. Tên chủ cơ sở:.....	1
2. Tên cơ sở:.....	1
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm của cơ sở.....	2
3.1. Công suất hoạt động của cơ sở.....	2
3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở.....	2
3.3. Sản phẩm của cơ sở.....	4
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở.....	4
4.1. Nguồn cung cấp điện, nhu cầu sử dụng điện.....	4
4.2. Nguồn cung cấp nước, nhu cầu sử dụng nước.....	4
4.3. Hóa chất sử dụng.....	5
4.4. Nhiên liệu sử dụng.....	5
5. Các thông tin khác liên quan.....	5
5.1. Vị trí địa lý của dự án.....	6
5.2. Hiện trạng quản lý, sử dụng đất.....	6
5.3. Các hạng mục công trình của dự án (giai đoạn I).....	6
CHƯƠNG II: SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ	

NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG.....	8
1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường	8
2. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường	9
CHƯƠNG III: KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	10
1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải	10
1.1. Thu gom, thoát nước mưa	10
1.2. Thu gom, thoát nước thải	15
1.3. Công trình xử lý nước thải	21
2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải	24
3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường	25
4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại	27
5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung	28
6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.....	29
6.1. Sự cố về cháy nổ	29
6.2. Sự cố tràn dầu.....	33
6.3. Sự cố thiên tai.....	45
7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác.....	45
8. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.....	46
CHƯƠNG IV: NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG	49
1. Nội dung đề nghị cấp giấy phép đối với nước thải	49
2. Nội dung đề nghị cấp giấy phép đối với khí thải	50
3. Nội dung đề nghị cấp giấy phép đối với tiếng ồn, độ rung.....	50

2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi, khí thải.....	52
CHƯƠNG VI: CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	55
1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải	55
2. Chương trình quan trắc chất thải.....	55
3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm	55
CHƯƠNG VII: KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ	56
1. Kết quả kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường năm 2022	56
2. Kết quả kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường năm 2023 và 2024.....	56
CHƯƠNG VIII: CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ	57
PHỤ LỤC BÁO CÁO.....	58

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

BOD	Biochemical Oxygen Demand – nhu cầu oxy sinh học
BTCT	Bê tông cốt thép
BTNMT	Bộ Tài nguyên và Môi trường
CBNV	Cán bộ nhân viên
COD	Chemical oxygen demand – nhu cầu oxi hóa học
CTNH	Chất thải nguy hại
CTRCNTT	Chất thải rắn công nghiệp thông thường
CTRSH	Chất thải rắn sinh hoạt
Dầu DO	Diesel Oil – nhiên liệu dùng cho động cơ Đielzen
ĐTM	Báo cáo đánh giá tác động môi trường
KCN	Khu công nghiệp
MTV	Một thành viên
PCCC	Phòng cháy chữa cháy
QCVN	Quy chuẩn Việt Nam
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
TSS	Tổng chất rắn lơ lửng
UBND	Ủy ban nhân dân
UPSCTD	Ứng phó sự cố tràn dầu

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 1.1. Danh mục máy móc, thiết bị chính.....	3
Bảng 1.2. Khối lượng sản phẩm xuất nhập của cơ sở.....	4
Bảng 1.3. Nhu cầu sử dụng nước của cơ sở.....	5
Bảng 1.4. Tọa độ khu đất thực hiện dự án (Hệ tọa độ VN-2000).....	6
Bảng 1.5. Hiện trạng sử dụng đất của dự án.....	6
Bảng 1.6. Danh mục các công trình của dự án.....	7
Bảng 3.1. Thông số kỹ thuật cơ bản của công trình thu gom, thoát nước mưa không bị nhiễm dầu.....	12
Bảng 3.2. Thông số kỹ thuật cơ bản của của công trình thu gom, thoát nước thải..	19
Bảng 3.3. Khối lượng chất thải rắn thông thường phát sinh năm 2023.....	27
Bảng 3.4. Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh năm 2023 và 2024.....	28
Bảng 3.5. Thống kê các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.....	46
Bảng 4.1. Giá trị tối đa của các thông số ô nhiễm theo dòng nước thải.....	49
Bảng 5.1. Kết quả thử nghiệm mẫu nước thải tại hố ga sau hệ thống xử lý (Tọa độ vị trí quan trắc X: 2269819; Y: 593689).....	51
Bảng 5.2. Kết quả thử nghiệm mẫu không khí tại khu vực bể chứa dầu (Tọa độ vị trí quan trắc X : 2269904; Y : 0593501).....	52
Bảng 5.3. Kết quả thử nghiệm mẫu không khí tại khu vực góc phía Tây Bắc kho xăng dầu (Tọa độ vị trí quan trắc X : 2270010; Y: 0593423).....	52
Bảng 5.4. Kết quả thử nghiệm mẫu không khí tại khu vực góc phía Đông Nam kho xăng dầu (Tọa độ vị trí quan trắc X : 2269741; Y: 0593611).....	53
Bảng 5.5. Kết quả thử nghiệm mẫu không khí tại khu vực góc phía Tây Nam kho xăng dầu (Tọa độ vị trí quan trắc X : 2269939; Y: 0593358).....	53
Bảng 5.6. Kết quả thử nghiệm mẫu không khí tại khu vực góc phía Đông Bắc kho xăng dầu (Tọa độ vị trí quan trắc X : 2269785; Y: 0593664).....	54

DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ

Hình 1.1. Sơ đồ quy trình công nghệ kho xăng dầu Hà Nam.....	2
Hình 1.2. Mặt bằng kho xăng dầu Hà Nam	7
Hình 3.1. Sơ đồ minh họa hệ thống thu gom, thoát nước mưa chảy tràn không bị nhiễm dầu	15
Hình 3.2. Rãnh và hố thu gom nước nhiễm dầu	16
Hình 3.3. Sơ đồ hệ thống thu gom, thoát nước thải	21
Hình 3.4. Bể tách xăng dầu, bể lắng cặn, hố thu dầu.....	22
Hình 3.5. Sơ đồ cấu tạo bể tự hoại 4 ngăn	23
Hình 3.6. Xe thu gom rác đẩy tay của cơ sở	26
Hình 3.7. Sơ đồ quy trình quản lý rác thải sinh hoạt	26
Hình 3.8. Kho chứa chất thải nguy hại.....	27
Hình 3.9. Ao chứa nước chữa cháy, đường ống chữa cháy, gara + nhà bơm nước chữa cháy.....	31

CHƯƠNG I: THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1. Tên chủ cơ sở:

Công ty TNHH MTV Xăng dầu Hà Nam

- Địa chỉ văn phòng: Quốc lộ 1A, phường Thanh Châu, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

- Người đại diện theo pháp luật của chủ cơ sở: Ông TRƯƠNG VĂN CHIÊU
– Giám đốc Công ty.

- Điện thoại: 0226.3.851.690; Fax: 0226.3.851.690; E-mail:

plxhanam@petrolimex.com.vn

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH một thành viên số 0700883181 đăng ký lần đầu ngày 20 tháng 06 năm 2024, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp.

2. Tên cơ sở:

Kho xăng dầu Hà Nam

- Địa điểm cơ sở: Khu Công nghiệp Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

- Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường: Quyết định số 18/QĐ-BQLKCN ngày 16 tháng 3 năm 2009 của Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hà Nam về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án: “Xây dựng kho xăng dầu Hà Nam” của Chi nhánh xăng dầu Hà Nam thuộc Công ty xăng dầu Hà Nam Ninh.

- Các giấy phép môi trường thành phần:

+ Giấy xác nhận số 01/GXN-BQL ngày 29 tháng 5 năm 2012 của Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hà Nam về việc đã thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của giai đoạn I Dự án “Xây dựng kho xăng dầu Hà Nam”.

- Quy mô của cơ sở:

+ Theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công: Dự án đầu tư xây dựng Kho xăng dầu Hà Nam năm 2009, với tổng mức đầu tư là 43.464.000.000 VNĐ (Bằng chữ: Bốn mươi ba tỷ, bốn trăm sáu mươi tư triệu đồng) chia làm 02 giai đoạn với 8 bể chứa có tổng sức chứa 50.000 m³, trong đó giai đoạn I chỉ đầu tư 04 bồn chứa tổng sức chứa 20.000 m³. Theo khoản 4, điều 10, Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 (Dự án thuộc lĩnh vực kho tàng với tổng mức đầu tư dưới 45 tỷ đồng), cơ sở tương đương dự án nhóm C.

+ Theo tiêu chí về môi trường: Theo số thứ tự 2 Phụ lục V Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, dự án thuộc danh mục các dự án đầu tư nhóm III ít có nguy cơ tác động xấu đến môi trường.

Như vậy, cơ sở thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường 2020. Nội dung của báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở tuân thủ theo mẫu báo cáo đề xuất cấp, cấp lại giấy phép môi trường của cơ sở đang hoạt động có tiêu chí về môi trường tương đương với dự án nhóm III, quy định tại Phụ lục XII Nghị định 08/2022/NĐ-CP.

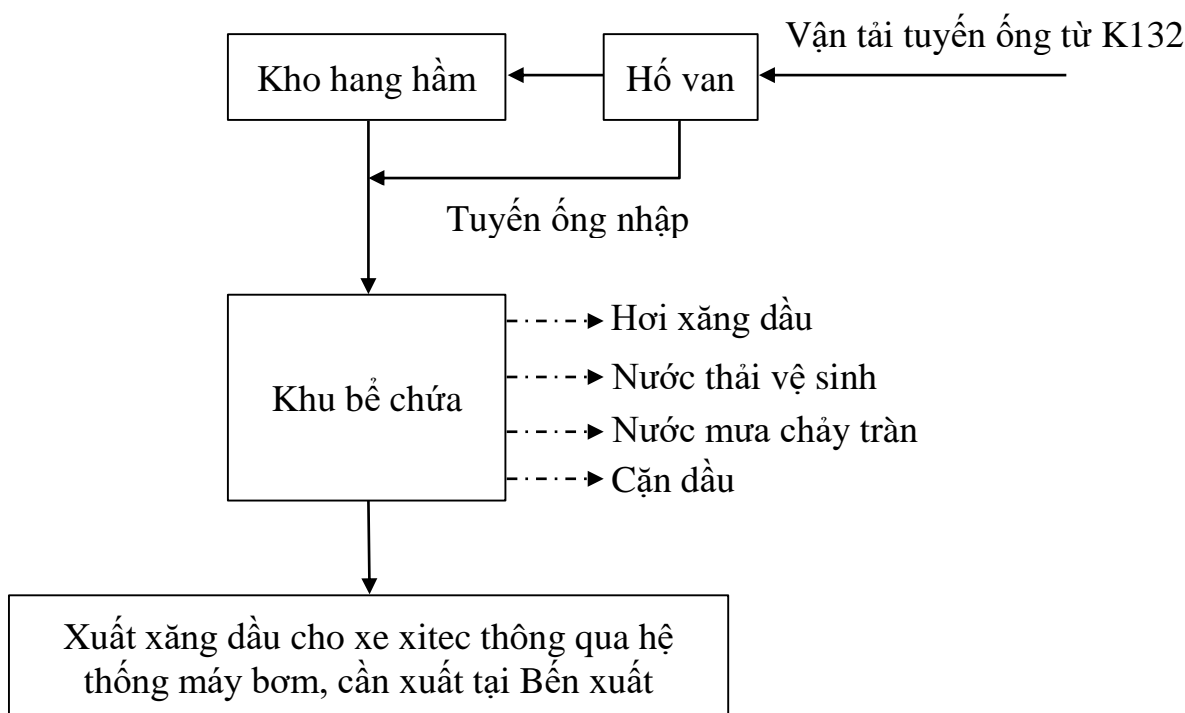
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm của cơ sở

3.1. Công suất hoạt động của cơ sở

Kho xăng dầu Hà Nam có sức chứa 20.000 m³ xăng dầu với 4 bể trụ đứng dung tích mỗi bể 5000 m³.

3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở

Công nghệ kho xăng dầu được thể hiện theo sơ đồ sau:



Hình 1.1. Sơ đồ quy trình công nghệ kho xăng dầu Hà Nam

Kho xăng dầu Hà Nam có các chức năng sau:

- Nhập: Nhiên liệu được nhập từ kho K132 về kho Hà Nam bằng tuyến ống (gồm 02 tuyến ống 6,3"), khi cần thiết có thể nhập nhiên liệu từ kho hang hầm K135, với lưu lượng bơm là 58-80 m³/giờ. Toàn bộ quá trình nhập được thực hiện theo chu trình khép kín.

- Tồn chứa xăng dầu: Xăng dầu được tồn chứa trong 04 bể trụ đứng 5.000

m³ có tổng sức chứa 20.000 m³. Chế độ bảo quản xăng dầu trong bể: áp suất P_{max}=18kG/cm², nhiệt độ môi trường t_{max}=50°C.

Bảng 1.1. Danh mục máy móc, thiết bị chính

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật	Số lượng	Ghi chú
1.	Bể chứa xăng dầu	- Bể thép, hình trụ - Đường kính 23,87 m, cao 12 m - Sức chứa 5000 m ³	04	
2.	Bơm xăng dầu	- Lưu lượng 60 m ³ /giờ	06	Đặt tại Bền xuất
3.	Cần xuất 3"		06	Đặt tại Bền xuất
4.	Máy bơm chữa cháy	- Lưu lượng 180 m ³ /giờ - Công suất 75 KW	04	
5.	Téc bọt chữa cháy	- Thể tích 15 m ³	01	
6.	Máy bơm chữa cháy di động TOHATSU V52	- Lưu lượng 150 m ³ /giờ - Công suất 30 KW	01	
7.	Mái phao bể chứa		02	Đối với bể xăng
8.	Thiết bị đường ống công nghệ		01 hệ thống	
9.	Thiết bị đường ống nước (van, bình lọc, ...)		01 bộ	
10.	Ejector PL 600		02	

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Xăng dầu Hà Nam)

- Xuất: Nhiên liệu từ bể chứa trong kho được xuất cho ô tô xitéc bằng máy bơm tại nhà xuất qua cần xuất. Đường ống xuất từ khu bể chứa xăng dầu đến trạm bơm được đấu nối độc lập cho từng loại xăng dầu (1 ống xăng và 1 ống dầu DO), từ trạm bơm đến dàn xuất ô tô được đấu nối độc lập cho từng cần xuất (03 ống DO, 03 ống xăng). Hệ thống công nghệ xuất kho mỗi hạng xuất xe bồn bao gồm: đường ống xuất xăng dầu từ bể, các van ép, khớp nối nhanh, khớp neo ống mềm, lưu lượng kế.

Xuất xăng dầu cho ô tô xitéc bằng 06 máy bơm của Bền xuất xăng dầu với lưu lượng mỗi máy bơm là 60m³/giờ. Lượng hàng xuất được kiểm soát bằng hệ

thống lượng kê.

Xăng dầu có thể được xuất nhập nhiên liệu đồng thời, áp lực thiết kế toàn hệ thống là 10kG/cm².

3.3. Sản phẩm của cơ sở

Sản phẩm là của cơ sở là xăng, dầu DO. Khối lượng sản phẩm 02 năm gần nhất được thống kê ở bảng sau:

Bảng 1.2. Khối lượng sản phẩm xuất nhập của cơ sở

STT	Năm	Đơn vị	Xăng		Dầu DO		Ghi chú
			Nhập	Xuất	Nhập	Xuất	
1	2022	m ³	75.663	76.132	89.504	91.193	Tính gộp của kho xăng dầu Hà Nam và Bến xuất
2	2023	m ³	71.672	73.299	97.871	95.152	

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Xăng dầu Hà Nam)

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở

4.1. Nguồn cung cấp điện, nhu cầu sử dụng điện

Cơ sở sử dụng nguồn điện từ lưới điện của khu vực cung cấp cao áp 35 KV qua trạm biến áp của bến xuất công suất 250 KVA để phục vụ cho hoạt động xuất nhập, sinh hoạt, chiếu sáng bảo vệ và các nhu cầu khác.

Công ty TNHH MTV Xăng dầu Hà Nam đã ký kết Hợp đồng về việc mua bán điện với Công ty Điện lực Hà Nam – Chi nhánh Tổng Công ty điện lực miền Bắc. Theo hóa đơn tiền điện năm 2022 và 2023, sản lượng điện tiêu thụ trung bình cho hoạt động của kho xăng dầu Hà Nam và Bến xuất khoảng 225.826 kWh/năm và trung bình 1 tháng khoảng 18.819 kWh.

4.2. Nguồn cung cấp nước, nhu cầu sử dụng nước

Nguồn cung cấp nước phục vụ cho hoạt động của kho, sinh hoạt và các nhu cầu khác cho kho xăng dầu Hà Nam được lấy từ nguồn cấp nước của Công ty cổ phần nước sạch Hà Nam cung cấp qua đồng hồ.

Cơ sở có nhu cầu sử dụng nước không lớn, chủ yếu là nước súc rửa bể chứa xăng dầu, vệ sinh khu vực kho, nước dự phòng cho chữa cháy, nước phục vụ cho sinh hoạt của công nhân và các nhu cầu khác. Nhu cầu sử dụng như sau:

- Nước cấp cho súc rửa bể chứa: Mỗi năm súc rửa 01 bể chứa, mỗi đợt súc rửa bể được thực hiện trong 01 ngày, lượng nước súc rửa trung bình khoảng 3,0 m³/bể. Tổng lượng nước súc rửa bể Q₁: 3,0 m³/năm.

- Nước cấp cho sinh hoạt: Có 5 công nhân làm việc ở kho. Với chỉ tiêu cấp

nước sạch dùng cho sinh hoạt khoảng 100 lít/người/ngày, tổng lượng nước cấp cho sinh hoạt $Q_2 = 5 \text{ người} \times 100 \text{ lít/người/ngày} = 0,5 \text{ m}^3/\text{ngày}$, tương đương khoảng $135 \text{ m}^3/\text{năm}$.

- Nhu cầu cấp nước cho tưới cây: Chỉ tiêu cấp nước dùng cho tưới cây là 5 lít/m^2 . Với diện tích thảm cỏ, cây xanh là 10.550 m^2 thì lượng nước tưới cây trong 1 lần $Q_3 = 10.550 \times 0,005 = 52,75 \text{ m}^3$. Trung bình kho tưới cây khoảng 5 ngày/lần, tổng nhu cầu nước sử dụng cho tưới cây là $3.850,75 \text{ m}^3/\text{năm}$. Nguồn nước sử dụng để tưới cây được lấy từ nước ao nước chữa cháy.

Các nhu cầu khác $Q_4: 10\% (Q_1 + Q_2 + Q_3) = 398,88 \text{ m}^3/\text{năm}$

Tổng nhu cầu cấp nước cho sản xuất, sinh hoạt và các nhu cầu khác (trừ cứu hoả) của kho Q là: $Q_1 + Q_2 + Q_3 + Q_4 = 4.387,63 \text{ m}^3/\text{năm}$.

- Nước cho cứu hoả: Lượng nước chữa cháy đảm bảo sử dụng trong thời gian 3 giờ để chữa cháy và tưới mát bề lân cận với lưu lượng chữa cháy $102,29 \text{ l/s}$; nước cần thiết cho 2 lăng phun nước chữa cháy di động hoạt động với lưu lượng 5 l/s ; nước cần thiết cho pha chất dung dịch tạo bọt 2.820 l/phút , với thời gian phun bọt là 55 phút. Tổng lượng nước cần dự phòng cho PCCC là $Q_{cc} = 1.460 \text{ m}^3$. Nguồn nước cho chữa cháy được lấy từ nguồn ao nước chữa cháy của kho có dung tích khoảng 1.500 m^3 . Nguồn nước cấp cho ao chữa cháy ngoài nguồn bổ sung tự nhiên (do mưa) còn được bổ sung từ các nguồn nước mặt lân cận bằng xe téc.

Nhu cầu sử dụng nước của cơ sở được trình bày ở bảng sau:

Bảng 1.3. Nhu cầu sử dụng nước của cơ sở

STT	Đối tượng dùng nước	Đơn vị	Nhu cầu dùng nước
1	Súc rửa bể chứa	$\text{m}^3/\text{năm}$	3,0
2	Sinh hoạt	$\text{m}^3/\text{năm}$	135,0
3	Tưới cây	$\text{m}^3/\text{năm}$	3.850,75
4	Các nhu cầu khác	$\text{m}^3/\text{năm}$	398,88
5	Phòng cháy chữa cháy	$\text{m}^3/3 \text{ giờ}$	1.460,0

4.3. Hóa chất sử dụng

Hóa chất sử dụng của cơ sở là chất tạo bọt chữa cháy foam protein 3% để sử dụng dự phòng cho công tác phòng cháy chữa cháy với lượng tồn chứa thường trực khoảng 11.000 lít.

4.4. Nhiên liệu sử dụng

Cơ sở có sử dụng 01 máy bơm chữa cháy di động, nhiên liệu sử dụng là xăng pha nhớt (tỷ lệ xăng:nhớt là 30:1) với mức tiêu hao nhiên liệu là 12 lít/giờ .

5. Các thông tin khác liên quan

5.1. Vị trí địa lý của dự án

Kho xăng dầu Hà Nam nằm trong khu công nghiệp Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam, có diện tích 42.970 m². Khu đất xây dựng kho xăng dầu có vị trí giáp ranh theo quy hoạch như sau:

Phía Đông Bắc giáp: Đường nội bộ trong KCN;

Phía Tây Bắc giáp: Đường nội bộ trong KCN;

Phía Đông Nam giáp: Đường nội bộ trong KCN;

Phía Tây Nam giáp: Khu đất quy hoạch của KCN.

Tọa độ giới hạn khu đất thực hiện dự án được thể hiện dưới bảng sau:

Bảng 1.4. Tọa độ khu đất thực hiện dự án (Hệ tọa độ VN-2000)

Tên điểm	X (m)	Y (m)
1.	2270021,52	593417,68
2.	2270022,86	593429,65
3.	2269820,07	593693,29
4.	2269807,41	593695,35
5.	2269717,05	593625,81
6.	2269930,79	593347,94

(Nguồn: Công ty TNHH MTV xăng dầu Hà Nam)

5.2. Hiện trạng quản lý, sử dụng đất

Hiện trạng sử dụng đất của dự án được trình bày ở bảng sau:

Bảng 1.5. Hiện trạng sử dụng đất của dự án

STT	Hạng mục	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
1.	Công trình xây dựng, giao thông	22.044,51	51,30
2.	Thảm cỏ, cây xanh	10.550	24,55
3.	Đất chưa sử dụng	10.375,49	24,15
	Tổng diện tích	42.970	100

(Nguồn: Công ty TNHH MTV xăng dầu Hà Nam)

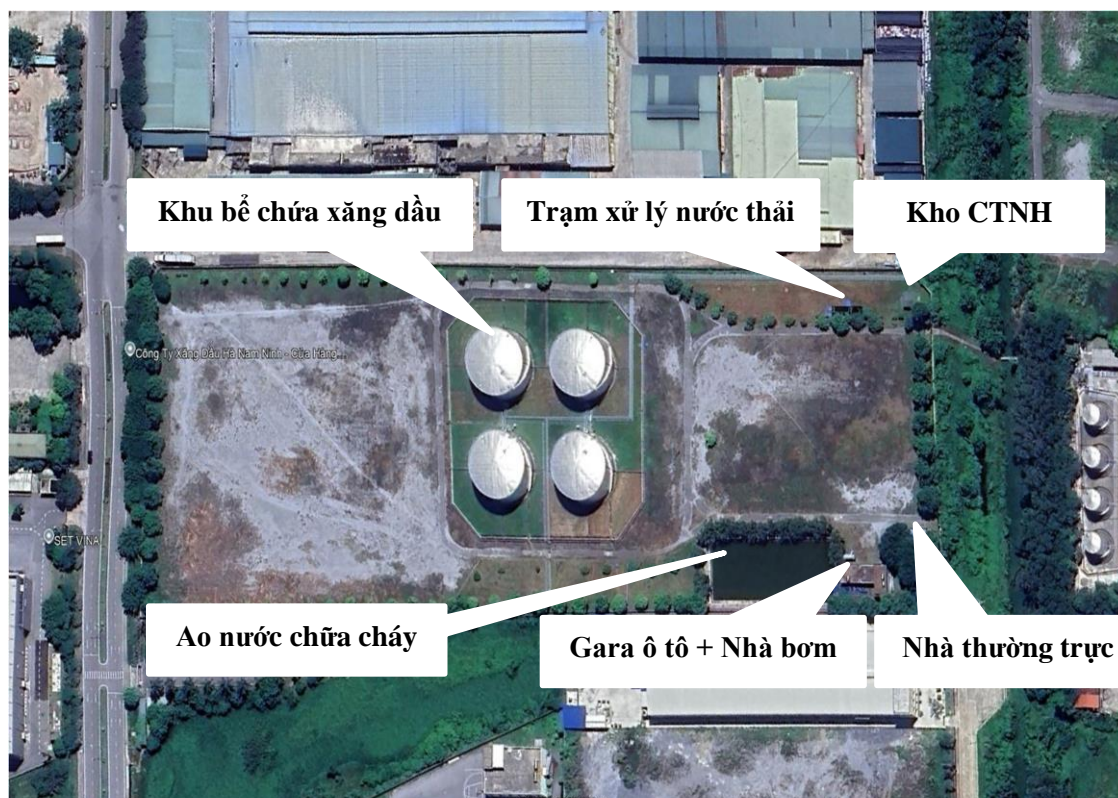
5.3. Các hạng mục công trình của dự án (giai đoạn I)

Các hạng mục công trình của Kho xăng dầu Hà Nam giai đoạn I và quy mô của các công trình được thống kê ở bảng sau:

Bảng 1.6. Danh mục các công trình của dự án

STT	Tên hạng mục	Số lượng	Diện tích	Ghi chú
1.	Khu bể chứa 5000 m ³	04 bể	7.252,13 m ²	Bể trụ đứng bằng thép;
2.	Nhà làm việc	01 nhà	36 m ²	Nhà khung BTCT, tường gạch, mái bằng
3.	Nhà bơm chữa cháy + gara ô tô cứu hỏa	01 nhà	103,05 m ²	Nhà khung BTCT, tường gạch, mái bằng
4.	Kho chứa chất thải nguy hại	01 kho	16 m ²	Nhà khung BTCT, tường gạch, mái tôn
5.	Ao chứa nước chữa cháy 1.500 m ³	01 ao	634,5 m ²	Kè bờ ao bằng bê tông
6.	Khu xử lý nước thải	01 hệ thống	256,04 m ²	Chưa hoàn thiện
7.	Đê ngăn cháy cao 1,1m		335 md	Kết cấu bê tông
8.	Công trình phụ trợ		13.746,79 m ²	
Tổng diện tích			22.044,51	

(Nguồn: Công ty TNHH MTV xăng dầu Hà Nam)



Hình 1.2. Mặt bằng kho xăng dầu Hà Nam

CHƯƠNG II: SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

- Xăng dầu là mặt hàng chiến lược, có ảnh hưởng trực tiếp đến sự phát triển kinh tế xã hội và an ninh quốc phòng của quốc gia. Trước khi kho xăng dầu Hà Nam được xây dựng, trên địa bàn Hà Nam có kho hang hầm K135 và bến xuất K135 đảm nhiệm vai trò dự trữ quốc gia và là kho trung chuyển đường ống để cung ứng xăng dầu cho khu vực các tỉnh Hà Nam, Nam Định, Ninh Bình, Thái Bình, Thanh Hoá. Cùng với sự phát triển kinh tế, nhu cầu về mặt hàng mang tính chất chiến lược là xăng dầu cho sản xuất công nghiệp nhất là cho giao thông vận tải cũng tăng lên đáng kể. Do đó dự án xây dựng kho xăng dầu Hà Nam là phù hợp với định hướng phát triển hệ thống dự trữ dầu thô và các sản phẩm xăng dầu của Việt Nam nhằm phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo nhu cầu nhiên liệu ổn định cho khu vực.

- Dự án tuân thủ các quy định của pháp luật về quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường, cụ thể:

+ Nghị định 13/2011/NĐ-CP ngày 11 tháng 02 năm 2011 và Nghị định 25/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 03 năm 2019 về an toàn công trình dầu khí trên đất liền;

+ Quyết định số 450/QĐ-TTg ngày 13 tháng 4 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

+ Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 18 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng chính phủ ban hành phê duyệt Quy hoạch hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt quốc gia thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

+ Quyết định số 343/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 25 tháng 4 năm 2024: Phê duyệt Kế hoạch thực hiện Quy hoạch hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

+ Quyết định số 1686/QĐ-TTg ngày 26 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Quy hoạch Tỉnh Hà Nam thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

+ Dự án xây dựng kho xăng dầu Hà Nam được chấp thuận theo công văn số 906/UBND-CN ngày 13 tháng 9 năm 2005 của UBND tỉnh Hà Nam về việc chấp

thuận điều chỉnh dự án đầu tư vào KCN Châu Sơn, tỉnh Hà Nam của Công ty Xăng dầu Hà Nam Ninh.

- **Đánh giá:** Dự án xây dựng kho xăng dầu Hà Nam hoàn toàn phù hợp với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường.

2. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường

- Kho xăng dầu Hà Nam nằm trong khu công nghiệp Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam, trước khi xây dựng, dự án đã được Ban quản lý các KCN tỉnh Hà Nam phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án theo Quyết định số 18/QĐ-BQLKCN ngày 16 tháng 3 năm 2009.

- Khi Dự án đi vào hoạt động, đã được Ban quản lý các KCN tỉnh Hà Nam cấp Giấy xác nhận số 01/GXN-BQL ngày 29 tháng 5 năm 2012 việc đã thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của giai đoạn I Dự án. Các chất thải phát sinh đều được thu gom, xử lý theo các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, cụ thể:

+ Nước thải phát sinh từ quá trình súc rửa bể chứa được đơn vị có chức năng vận chuyển và xử lý, do đó không phát thải ra môi trường

+ Nước mưa nhiễm dầu trong khu vực bể chứa được thu gom về khu xử lý để xử lý bằng phương pháp lắng gạn cơ học; nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu nhà thường trực, được xử lý bằng bể tự hoại 4 ngăn và hố ga lắng cặn; các loại nước thải này được xử lý đảm bảo đạt QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn quốc gia về nước thải công nghiệp (Cột B) trước khi thải vào hệ thống thu gom và xử lý nước thải của KCN Châu Sơn; do đó nước mưa nhiễm dầu và nước thải sinh hoạt của cơ sở không phát thải ra môi trường.

+ CTRSH và CTRCNTT được thu gom, lưu trữ và được đơn vị có chức năng vận chuyển và xử lý, do đó không phát thải ra môi trường.

+ Khí thải chủ yếu là hơi xăng phát sinh từ quá trình nhập xuất xăng dầu từ bể chứa được giảm thiểu bằng cách lắp đặt van thở và mái phao tại các bể chứa, do đó lượng khí thải phát thải ra môi trường là nhỏ và gián đoạn.

+ Bụi chủ yếu phát sinh từ các phương tiện ra vào kho được giảm thiểu bằng cách quản lý chặt chẽ các phương tiện ra vào, trồng cây xanh (đảm bảo diện tích cây xanh, thậm chí khoảng 24,55%) do đó lượng bụi phát sinh là nhỏ và gián đoạn.

+ Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải, bụi và khí thải tại cơ sở (xem Chương V) cho thấy các thông số ô nhiễm đều đạt yêu cầu so với các quy chuẩn kỹ thuật môi trường hiện hành.

Đánh giá: Dự án hoàn toàn phù hợp với khả năng chịu tải của môi trường.

CHƯƠNG III: KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

1.1. Thu gom, thoát nước mưa

Dựa vào thành phần chất gây ô nhiễm, nước mưa chảy tràn tại kho xăng dầu Hà Nam được phân thành 02 loại là nước mưa chảy tràn nhiễm dầu và nước mưa chảy tràn không nhiễm dầu. Nước mưa chảy tràn nhiễm dầu được coi là nước thải, được xử lý trước khi chảy vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải chung của KCN Châu Sơn.

Nước mưa chảy tràn không nhiễm dầu là nước mưa chảy tràn trên các khu vực gồm: các khu vực nền bãi không có/chưa có công trình xây dựng và mái của các công trình nhà thường trực, nhà bơm nước chữa cháy hợp khối với gara ô tô cứu hỏa, mái của kho chứa chất thải nguy hại, mái của bể chứa xăng dầu. Tổng diện tích các khu vực này khoảng 41.893,96 m² trong 42.970 m² diện tích của cơ sở. Với lượng mưa trung bình năm của khu vực khoảng 1900 mm, lượng nước mưa trên bề mặt khu vực này khoảng 79.598,52 m³/năm. Do có một phần nước thấm xuống đất nên lượng nước mưa chảy tràn qua hệ thống cống thoát còn khoảng 63.678,82 m³/năm (chiếm khoảng 80% lượng nước mưa trên bề mặt).

Công trình thu gom nước mưa:

- Công trình thu gom nước mưa chảy tràn tại khu vực bên ngoài đê ngăn cháy:

+ Tại các khu vực không có/chưa có công trình xây dựng: Bề mặt nền bãi được thiết kế thoát dần từ giữa về 02 rãnh hở thoát nước mưa phía Đông Bắc và Tây Nam chạy dọc theo tường bao bảo vệ của cơ sở, với độ dốc 0,003.

+ Tại các khu vực có công trình xây dựng:

Công trình thu gom nước mưa chảy tràn trên bề mặt mái nhà thường trực gồm: 02 đường ống đứng PVC đường kính 90 mm, chiều dài mỗi ống 4m;

Công trình thu gom nước mưa chảy tràn trên bề mặt mái nhà bơm nước chữa cháy hợp khối với gara ô tô cứu hỏa gồm: 02 đường ống đứng PVC đường kính 76 mm, chiều dài mỗi ống 3,5 m;

Nước mưa chảy tràn trên bề mặt mái của kho chứa chất thải nguy hại chảy thẳng xuống bề mặt nền bãi phía ngoài công trình.

- Công trình thu gom nước mưa chảy tràn tại khu vực bên trong đê ngăn cháy:

+ Công trình thu gom nước mưa chảy tràn trên bề mặt mái của bể chứa xăng dầu gồm: 04 rãnh thu gom xung quanh mỗi bể chứa (mỗi bể chứa xăng dầu có 01 tuyến rãnh hình tròn bao quanh); rãnh có kết cấu đáy bê tông tường gạch trát vữa, chiều rộng 300 mm, chiều cao 300 mm, chiều dài mỗi rãnh 71,6 m; các rãnh dốc về hố thu gom nước; 04 hố thu gom nước từ các rãnh bao quanh bể chứa (mỗi bể chứa bố trí 01 hố thu nước);

+ Công trình thu gom nước mưa chảy tràn trên nền bãi (ngoài khu van điều chỉnh lưu lượng xăng dầu xuất nhập vào bể chứa) và nước mưa từ hố thu gom nước mưa từ các rãnh bao quanh bể chứa gồm: 02 hệ thống thu gom nước riêng biệt bên trong đê ngăn cháy:

(1) Hệ thống thu gom nước phía Đông Bắc gồm: 02 đoạn rãnh có nắp đan bằng BTCT dẫn nước từ hố thu nước đến đoạn rãnh hở chạy dọc theo đê bao chống tràn phía Đông Bắc, chiều rộng 300 mm, chiều cao 550 mm, chiều dài mỗi đoạn 9 m, độ dốc mỗi đoạn 0.005; 01 đoạn rãnh hở có chiều rộng 300 mm, chiều cao 550 mm, dài 59,5 m, độ dốc 0,005; 01 hố ga ở cuối rãnh hở để thu nước và lắng cặn; 01 đoạn ống thép nối hố ga và hố van, đường kính 8", dài 11 m, độ dốc 0,0045, được chống gỉ bằng bọc nhựa đường, vải thủy tinh, chiều dày lớp bọc 6mm; 01 hố van được bố trí trong rãnh thoát nước mưa phía Đông Bắc của cơ sở.

(2) Hệ thống thu gom nước phía Tây Nam gồm: 02 đoạn rãnh có nắp đan bằng BTCT dẫn nước từ hố thu nước đến đoạn rãnh hở chạy dọc theo đê bao chống tràn phía Tây Nam, chiều rộng 300 mm, chiều cao 550 mm, chiều dài mỗi đoạn 9 m, độ dốc mỗi đoạn 0,005; 01 đoạn rãnh hở có chiều rộng 300 mm, chiều cao 550 mm, dài 59,5 m, độ dốc 0,005; 01 hố ga ở cuối đoạn rãnh hở để thu nước và lắng cặn; 01 đoạn ống thép nối hố ga và hố van, đường kính 8", dài 9 m, độ dốc 0,0005, được chống gỉ bằng bọc nhựa đường, vải thủy tinh, chiều dày lớp bọc 6 mm; 01 đoạn rãnh có nắp đan bằng BTCT dẫn nước từ hố van đến rãnh thoát nước mưa phía Tây Nam của cơ sở, chiều rộng 300 mm, dài 18,5 m, độ dốc 0,003.

+ 48 hố thu gom nước mưa được bố trí dọc theo 02 rãnh hở thoát nước mưa của cơ sở phía Đông Bắc và Tây Nam, khoảng cách giữa 2 hố thu gom nước mưa liền kề khoảng 13,75 m; hố thu gom nước mưa có kết cấu bản đáy bê tông, tường gạch trát vữa; kích thước hố thu (DxR) là 730 x 720 mm.

+ Một phần nước mưa dự kiến được chảy về ao chứa nước chữa cháy, khi tràn ao nước sẽ chảy vào rãnh thoát nước (chưa xảy ra hiện tượng tràn nước trong ao chữa cháy ra ngoài từ khi kho đi vào hoạt động).

Công trình thoát nước mưa:

- Gồm 01 rãnh hở thoát nước mưa chạy dọc theo tường bao phía Đông Bắc

và 01 rãnh hở thoát nước mưa chạy dọc theo tường bao phía Tây Nam của cơ sở; các rãnh có kết cấu bản đáy bê tông, tường gạch trát vữa; rãnh thoát nước mưa phía Đông Bắc có chiều dài 333 m, rãnh phía Tây Nam có chiều dài 345 m; mỗi rãnh có chiều rộng từ 400 – 500 mm, độ dốc 0,002;

- 02 hố ga để thu nước và lọc cặn bẩn (cuối mỗi rãnh thoát nước mưa có bố trí 01 hố);

- 02 đoạn ống thoát nước có kết cấu bê tông, đường kính 700 mm, chiều dài mỗi đoạn 18 m, độ dốc 0,005.

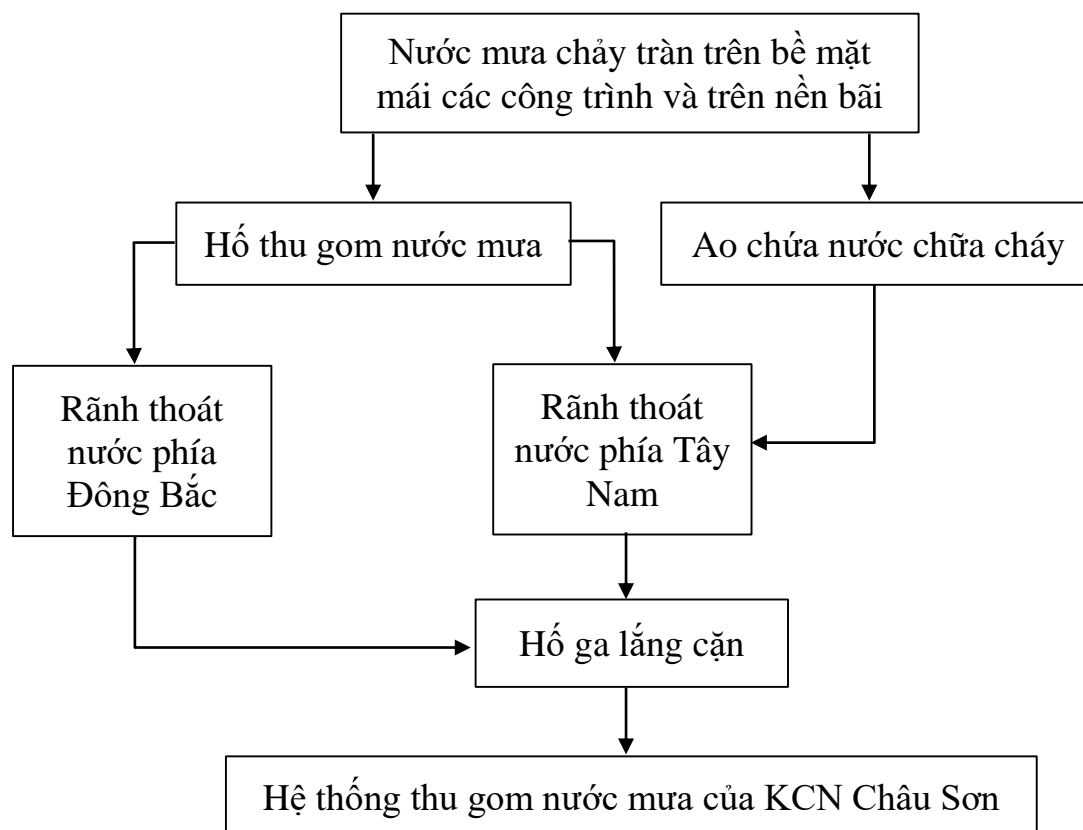
- Nước mưa sau khi chảy qua hố ga sẽ chảy vào ống thoát nước và chảy ra hệ thống thoát nước chung của KCN phía Đông Nam. Hệ thống tiêu thoát nước mưa của cơ sở đảm bảo tiêu thoát triệt để, không gây úng ngập.

Bảng 3.1. Thông số kỹ thuật cơ bản của công trình thu gom, thoát nước mưa không bị nhiễm dầu

STT	Hạng mục	Đơn vị	Số lượng	Thông số kỹ thuật
1.	Hố thu nước mưa	hố	48	- Kết cấu: Đáy bê tông, tường gạch trát vữa - Chiều rộng: 720 mm - Chiều dài: 730 mm
2.	Rãnh thoát nước mưa phía Đông Bắc	rãnh	01	- Kết cấu: Đáy bê tông, tường gạch trát vữa - Chiều dài: 333 m - Chiều rộng: 400 mm (đài 200,5m) - Chiều rộng: 500 mm (đài 132,5 m) - Độ dốc: 0.002
3.	Rãnh thoát nước mưa phía Tây Nam	rãnh	01	- Kết cấu: Đáy bê tông, tường gạch trát vữa - Chiều dài: 345 m - Chiều rộng: 400 mm (chiều dài 200,5m) - Chiều rộng: 500 mm (chiều dài 136,5 m) - Độ dốc: 0.002
4.	Ống thoát nước phía	ống	01	- Kết cấu: Bê tông

STT	Hạng mục	Đơn vị	Số lượng	Thông số kỹ thuật
	Đông Bắc			- Chiều dài: 18 m - Đường kính: 700 mm - Độ dốc: 0.005
5.	Ống thoát nước phía Tây Nam	ống	01	- Kết cấu: Bê tông - Chiều dài: 18 m - Đường kính: 700 mm - Độ dốc: 0.005
6.	Ống đứng thoát nước mái nhà thường trực	ống	02	- Vật liệu: Nhựa PVC - Chiều dài mỗi ống: 4 m - Đường kính: 90 mm
7.	Ống thoát nước mái nhà bơm nước chữa cháy	ống	02	- Vật liệu: Nhựa PVC - Chiều dài mỗi ống: 3,5 m - Đường kính: 76 mm
8.	Rãnh hở bao quanh bể chứa	rãnh	04	- Kết cấu: Đáy bê tông, tường gạch trát vữa - Chiều dài mỗi rãnh: 71,6 m - Chiều rộng: 300 mm - Chiều cao: 300 mm
9.	Hố ga thu nước từ rãnh hở bao quanh bể chứa	hố	04	- Kết cấu: Đáy bê tông, tường gạch trát vữa - Chiều rộng: 550 mm - Chiều dài: 550 mm
10.	Đoạn rãnh có nắp đan BTCT phía trong đê bao	rãnh	04	- Kết cấu: Đáy bê tông, tường gạch trát vữa - Chiều rộng: 300 mm - Chiều cao: 550 mm - Chiều dài mỗi đoạn: 9 m - Độ dốc: 0,005
11.	Đoạn rãnh có nắp đan BTCT phía ngoài đê bao	rãnh	01	- Kết cấu: Đáy bê tông, tường gạch trát vữa - Chiều rộng: 300 mm - Chiều dài: 18,5 m - Độ dốc: 0,003
12.	Đoạn rãnh hở dọc theo	rãnh	02	- Kết cấu: Đáy bê tông, tường

STT	Hạng mục	Đơn vị	Số lượng	Thông số kỹ thuật
	đê ngăn cháy			gạch trát vữa - Chiều rộng: 300 mm - Chiều cao: 550 mm - Chiều dài mỗi đoạn: 59,5 m - Độ dốc: 0,005
13.	Đoạn ống thép nối hố ga phía trong khu vực đê ngăn cháy và hố van phía ngoài đê ngăn cháy	ống	02	- Vật liệu: thép, được chống gỉ bằng bọc nhựa đường, vải thủy tinh, chiều dày lớp bọc 6mm - Đường kính: 8” - Chiều dài đoạn phía Đông Bắc: 11 m - Chiều dài đoạn phía Tây Nam: 9 m - Độ dốc đoạn phía Đông Bắc: 0,0045 - Độ dốc đoạn phía Tây Nam: 0,0005
14.	Hố ga thu gom nước mưa cuối rãnh thoát nước dọc theo đê ngăn cháy	hố	02	- Kết cấu: Đáy bê tông, tường gạch trát vữa - Chiều dài: 940 mm - Chiều rộng: 940 mm
15.	Hố van điều chỉnh lưu lượng nước từ khu vực phía trong đê chữa cháy vào rãnh thoát nước mưa	hố	02	- Kết cấu: Đáy bê tông, tường gạch trát vữa



Hình 3.1. Sơ đồ minh họa hệ thống thu gom, thoát nước mưa chảy tràn không bị nhiễm dầu

1.2. Thu gom, thoát nước thải

Trong quá trình hoạt động, tại kho xăng dầu Hà Nam có các nguồn phát sinh nước thải và lượng nước thải như sau:

- Nước thải ra từ quá trình súc rửa bể chứa: Trong quá trình vận hành thực tế của kho xăng dầu Hà Nam, một năm súc rửa 01 bể, mỗi đợt súc rửa trong 1 ngày, một năm súc rửa một lần, lượng nước thải ra cho một lần súc rửa là $3,0 \text{ m}^3$. Thành phần các chất ô nhiễm trong nước thải gồm xăng dầu và tạp chất cơ học.

- Nước mưa chảy tràn trên khu vực nền bãi nhiễm dầu: Do việc nhập xuất xăng dầu sử dụng các đường ống kín, nước mưa chảy tràn có khả năng nhiễm dầu chỉ ở nền khu vực điều chỉnh lưu lượng xăng dầu nhập xuất từ các bể chứa. Tổng diện tích các khu vực này khoảng $185,5 \text{ m}^2$, ước tính với lượng mưa lớn nhất của tháng có lượng mưa lớn nhất trong năm (tháng 8) trong khu vực là $409,9 \text{ mm}$. Lượng nước mưa trên bề mặt diện tích khoảng $76,04 \text{ m}^3/\text{tháng}$ ($2,45 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$). Do có một phần nước thấm xuống bề mặt nên còn khoảng 90% nên lượng mưa lượng nước mưa chảy tràn vào hệ thống cống khoảng $2,2 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

- Nước thải sinh hoạt: Với số công nhân ở kho là 5 người, lượng nước thải

ra trung bình khoảng 100 lít/người/ngày (bằng 100% lượng nước cấp cho sinh hoạt). Tổng lượng nước thải sinh hoạt thải ra khoảng $5 \times 100 = 0,5 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$. Với hệ số không điều hòa ngày của nước thải là $k = 1,2$ thì lượng nước thải sinh hoạt thải ra lớn nhất là $0,6 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$. Nước thải sinh hoạt của cơ sở có nguồn gốc như sau: (1) Nước thải chứa phân, nước tiểu từ bồn cầu vệ sinh: Nước thải này có hàm lượng các chất hữu cơ, các chất dinh dưỡng như nitơ, photpho cao và thường tồn tại các vi sinh vật gây bệnh, gây mùi thối; (2) Nước thải từ chậu rửa lavabo và sàn khu vệ sinh: Nước thải loại này phát sinh từ hoạt động tắm, giặt, rửa, do đó chủ yếu chứa chất rắn lơ lửng, các chất tẩy rửa và nhiều tạp chất vô cơ, hàm lượng các chất hữu cơ trong nước thải loại này thấp và thường khó phân hủy sinh học.

- Nước thải từ quá trình chữa cháy khi gặp sự cố: Khi có sự cố cháy xảy ra, cần sử dụng một lượng nước để pha chất dung dịch tạo bọt dập tắt các đám cháy. Quá trình dập tắt đám cháy dẫn tới phát sinh một lượng nước thải có nhiễm dầu. Khối lượng nước thải từ quá trình chữa cháy tùy theo mức độ của sự cố.

1.2.1. Thu gom nước thải



Hình 3.2. Rãnh và hố thu gom nước nhiễm dầu

Công trình thu gom nước mưa chảy tràn trên khu vực nền bãi nhiễm dầu ra gồm:

- 04 rãnh hở thu gom nước mưa nhiễm dầu (mỗi bể chứa xăng dầu được bố trí 01 rãnh thu gom nước nhiễm dầu), rãnh có kết cấu đáy bê tông, tường gạch trát vữa, chiều dài mỗi rãnh: 6,5 m, chiều rộng 300 mm, chiều cao 300 mm.

- 04 hố thu nước nhiễm dầu (mỗi bể chứa xăng dầu được bố trí 01 hố thu gom nước nhiễm dầu); kết cấu đáy bê tông, tường gạch trát vữa, chiều dài 550 mm, chiều rộng 550 mm.

- Hệ thống đường ống thu gom nước mưa nhiễm dầu gồm có:

+ Các đoạn ống bê tông đúc ly tâm đường kính 250 mm với tổng chiều dài 190 m, các mối nối ống bằng đay tấm nhựa đường ngoài chèn vữa xi măng mác 150 dày 30mm;

+ 01 đoạn ống thép đường kính 8” dài 3 m nối hố ga trong khu vực bể chứa với hố van ngoài khu vực bể chứa, được chống gỉ bằng bọc nhựa đường, vải thủy tinh, chiều dày lớp bọc 6mm, độ dốc 0,004;

+ 01 đoạn ống thép đường kính 10” dài 5,5 m dẫn nước từ hố ga đến trạm xử lý nước thải nhiễm dầu, được sơn lót nhựa đường bọc vải thủy tinh dày 6mm; độ dốc 0,004;

+ 10 hố ga để thu nước thải và lắng cặn; kết cấu đáy bê tông, tường gạch trát vữa, chiều dài 1250 mm, chiều rộng 1250 mm;

+ 03 hố van để điều chỉnh lưu lượng chảy vào trạm xử lý nước thải nhiễm dầu; kết cấu đáy bê tông, tường gạch trát vữa, chiều dài 1500 mm, chiều rộng 1500 mm

Công trình thu gom nước thải từ quá trình súc rửa bể chứa:

- Trong giai đoạn II của dự án khi hệ thống xử lý nước thải hoàn thiện, công trình thu gom nước mưa chảy tràn nhiễm dầu cũng được sử dụng để thu gom nước thải từ quá trình súc rửa bể chứa về trạm xử lý nước thải nhiễm dầu.

- Tuy nhiên, trong giai đoạn I của dự án trạm xử lý nước thải của cơ sở chưa hoàn thiện, do đó nước thải từ quá trình súc rửa bể chứa không được thu gom về trạm xử lý mà được đơn vị có chức năng vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại vận chuyển đi và xử lý.

Công trình thu gom nước thải từ quá trình chữa cháy khi gặp sự cố:

- Trong giai đoạn II của dự án khi trạm xử lý nước thải hoàn thiện, công trình thu gom nước mưa chảy tràn nhiễm dầu được sử dụng để thu gom nước thải từ quá trình chữa cháy khi gặp sự cố về khu xử lý nước thải nhiễm dầu sau đó được xử lý trước khi xả vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải của KCN Châu Sơn.

- Tuy nhiên, trong giai đoạn I của dự án, trạm xử lý nước thải của cơ sở chưa hoàn thiện, do đó nước thải từ quá trình chữa cháy khi gặp sự cố được thu gom vào khu bể xử lý nước thải nhiễm dầu, sau đó được đơn vị có chức năng vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại vận chuyển đi và xử lý.

Công trình thu gom nước thải sinh hoạt gồm có:

- Công trình thu gom nước thải từ bồn cầu vệ sinh gồm:

+ 01 đoạn ống thu nước thải từ 02 bồn cầu vệ sinh dẫn vào bể tự hoại là ống nhựa, đường kính 110 mm, dài 3,2 m;

- Công trình thu gom nước thải chậu rửa lavabo và sàn khu vệ sinh (từ các hoạt động tắm, giặt, rửa) gồm:

+ 01 đoạn ống bằng nhựa, đường kính 90 mm, chiều dài 2,2 m để thu nước thải từ chậu rửa lavabo;

+ 02 lỗ thu nước trên sàn khu vệ sinh đường kính 90 mm;

+ 01 đoạn ống bằng nhựa, đường kính 90 mm, chiều dài 3,5 m dẫn nước từ 02 lỗ thu nước đến đoạn ống thu nước chung;

+ 01 đoạn ống bằng nhựa, đường kính 90 mm, chiều dài 5,3 m để dẫn nước từ chậu rửa lavabo và sàn khu vệ sinh vào hố ga thu nước và lắng cặn nước thải vệ sinh.

1.2.2. Thoát nước thải

Công trình thoát nước thải phát sinh từ quá trình súc rửa bể chứa, nước thải phát sinh từ quá trình chữa cháy khi có sự cố xảy ra:

Nước thải từ quá trình súc rửa bể chứa và nước thải từ quá trình chữa cháy khi có sự cố xảy ra sẽ được đơn vị có chức năng xử lý CTNH vận chuyển và xử lý (theo Hợp đồng số 10005/2024/HĐKT/ETC ngày 01 tháng 10 năm 2024 giữa Công ty TNHH MTV Xăng dầu Hà Nam và Công ty cổ phần và đầu tư kỹ thuật tài nguyên môi trường ETC) thu gom. Vì vậy, hiện tại cơ sở không có công trình thoát nước thải công nghiệp và nước thải từ quá trình chữa cháy khi sự cố xảy ra.

Công trình thoát nước mưa nhiễm dầu sau xử lý và công trình thoát nước thải sinh hoạt gồm:

- 01 hố van sau trạm xử lý nước thải để điều chỉnh lưu lượng nước thải chảy vào hố thu gom; kết cấu đáy bê tông, tường gạch trát vữa, chiều dài 1500 mm, chiều rộng 1500 mm;

- 01 hố ga thu gom nước thải (cũng là hố ga thu gom nước thải sinh hoạt sau khi được xử lý bằng bể tự hoại); kết cấu đáy BTCT, tường gạch trát xi măng, kích thước (DxRxC) là 2900 x 2800 x 1500 m, dung tích 9,0 m³.

- 01 đoạn ống nhựa, đường kính 110 mm, chiều dài 1,3 m, độ dốc 0,028 dẫn nước từ bể tự hoại chảy vào hố ga;

- 01 đường ống HDPE đường kính 76 mm, chiều dài 120 m dẫn nước thải tự chảy từ trạm xử lý nước thải vào hố ga thu gom nước thải sinh hoạt;

- 01 đường ống HDPE, đường kính 21 mm, để dẫn nước thải từ hố ga thu gom nước thải đến điểm đầu nối nước thải của KCN Châu Sơn (theo Biên bản đầu nối nước thải ngày 01 tháng 10 năm 2024 giữa Công ty TNHH MTV Xăng dầu Hà Nam và Công ty TNHH MTV VPID Hà Nam);

- 01 bơm ly tâm công suất 0,75 kW, lưu lượng 90 lít/phút, cột nước lớn nhất 46 m, để bơm nước từ hố ga thu gom nước thải (gồm nước mưa nhiễm dầu và nước thải sinh hoạt sau khi xử lý).

Bảng 3.2. Thông số kỹ thuật cơ bản của công trình thu gom, thoát nước thải

STT	Hạng mục	Đơn vị	Số lượng	Thông số kỹ thuật
Công trình thu gom nước mưa nhiễm dầu				
1.	Rãnh hở thu gom nước mưa nhiễm dầu từ bể chứa	rãnh	04	- Kết cấu: Đáy bê tông, tường gạch trát vữa - Chiều rộng: 300 mm - Chiều cao: 300 mm - Chiều dài mỗi rãnh: 6,5 m
2.	04 hố thu nước nhiễm dầu	rãnh	04	- Kết cấu: Đáy bê tông, tường gạch trát vữa - Chiều dài: 550 mm - Chiều rộng: 550 mm
3.	Tuyến ống bê tông D250	tuyến	01	- Vật liệu: Bê tông - Đường kính: 250 mm - Chiều dài: 190 m
4.	Ống thép D8"	ống	01	- Vật liệu: thép - Đường kính: 8" - Chiều dài: 3 m - Độ dốc: 0,004
5.	Ống thép D10"	ống	01	- Vật liệu: thép - Đường kính: 10" - Chiều dài: 5,5 m - Độ dốc: 0,004
6.	Hố ga	hố	10	- Kết cấu: Đáy bê tông, tường gạch trát vữa - Chiều dài: 1250 mm - Chiều rộng: 1250 mm
7.	Hố van	hố	03	- Kết cấu: Đáy bê tông, tường gạch trát vữa - Chiều dài: 1500 mm - Chiều rộng: 1500 mm
Công trình thu gom nước thải sinh hoạt				

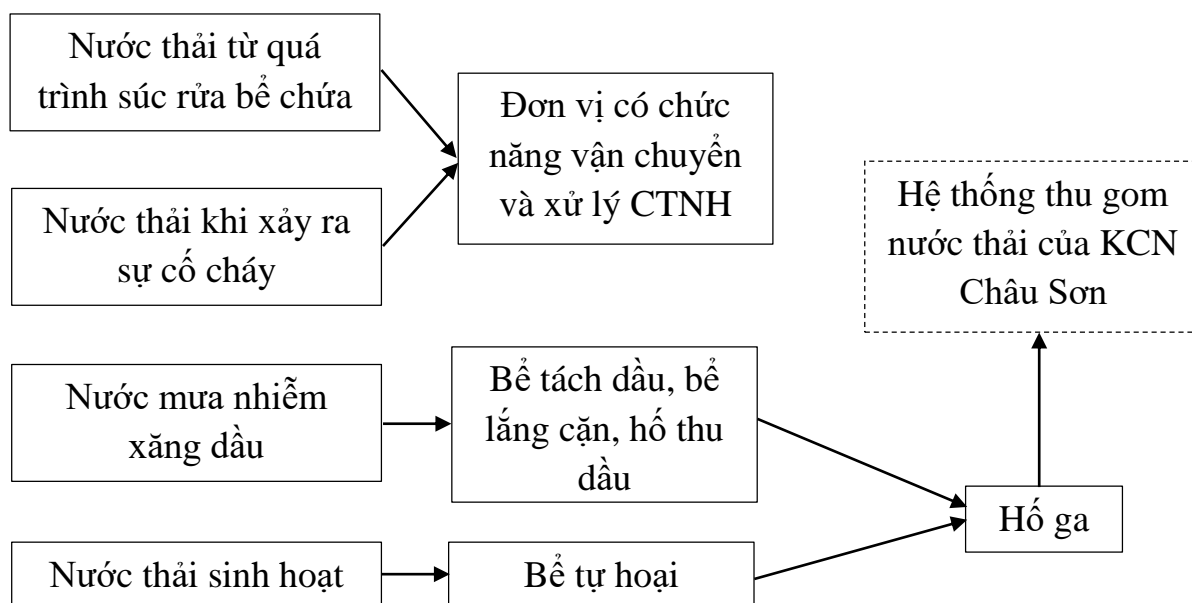
STT	Hạng mục	Đơn vị	Số lượng	Thông số kỹ thuật
1.	Ống thu nước thải từ bồn cầu vệ sinh	ống	01	- Vật liệu: Nhựa PVC - Đường kính: 110 mm - Chiều dài: 3,2 m
2.	Ống thu nước thải từ chậu rửa	ống	01	- Vật liệu: Nhựa PVC - Đường kính: 90 mm - Chiều dài: 2,2 m
3.	Ống thu nước thải sàn khu vệ sinh	ống	01	- Vật liệu: Nhựa PVC - Đường kính: 90 mm - Chiều dài: 3,5 m
4.	Ống thu nước từ chậu rửa và sàn khu vệ sinh	ống	01	- Vật liệu: Nhựa PVC - Đường kính: 90 mm - Chiều dài: 5,3 m
Công trình thoát nước mưa nhiễm dầu và nước thải sinh hoạt				
1.	Hố van sau trạm xử lý nước thải	hố	01	- Kết cấu: Đáy bê tông, tường gạch trát vữa - Chiều dài: 1500 mm - Chiều rộng: 1500 mm
2.	Hố ga thu gom nước thải (gồm nước thải sinh hoạt và nước mưa nhiễm dầu sau xử lý)	hố	01	- Kết cấu: Đáy BTCT, tường gạch trát vữa - Chiều dài: 2900 - Chiều rộng: 2800 - Chiều cao: 1500
3.	Ống dẫn nước từ bể tự hoại sang hố ga	ống	01	- Vật liệu: Nhựa PVC - Đường kính: 110 mm - Chiều dài: 1,3 m
4.	Ống dẫn nước từ trạm xử lý nước thải vào hố ga thu gom nước thải	ống	01	- Vật liệu: HDPE - Đường kính: 76 mm - Chiều dài: 120 m
5.	Ống dẫn nước từ hố ga thu gom nước thải đến điểm đầu nối nước thải của KCN Châu Sơn	ống	01	- Vật liệu: HDPE - Đường kính: 21 mm - Chiều dài: 75 m

(Nguồn: Công ty TNHH MTV xăng dầu Hà Nam)

1.2.3. Điểm xả nước thải sau xử lý

Theo Biên bản đấu nối nước thải giữa Công ty TNHH MTV xăng dầu Hà Nam và Công ty TNHH MTV VPID Hà Nam ngày 01 tháng 10 năm 2024, vị trí đấu nối nước thải vào hệ thống thu gom nước thải KCN Châu Sơn cụ thể:

- Tên hồ ga đấu nối: hồ ga D6-11
- Tọa độ theo hệ tọa độ VN 2000: X = 2269742.5691; Y = 593642.5202
- Địa điểm đấu nối: tại hồ ga thu gom nước thải chung tại đường D6, KCN Châu Sơn, phường Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.



Hình 3.3. Sơ đồ hệ thống thu gom, thoát nước thải

1.3. Công trình xử lý nước thải

1.3.1. Công trình xử lý nước mưa nhiễm dầu

Công trình xử lý nước mưa nhiễm dầu: gồm bể tách xăng dầu, bể lắng cặn, hố thu xăng dầu.

- Chức năng của công trình: tách xăng dầu, lắng cặn và thu gom một phần xăng dầu có trong nước thải.

- Quy mô của công trình:

+ Kích thước của bể tách dầu và bể lắng cặn: chiều dài 13.920 mm, chiều rộng 4.620 mm, chiều cao 2.950 mm;

+ Kích thước hố thu dầu: chiều dài 1.700 mm, chiều rộng 1.700 mm, chiều cao 1.900 mm;

+ Ống thép thu dầu: Đường kính ống: 500 mm; chiều dài ống: 2 ống x 4,6m/ống = 9,2 m. Ống đi nổi được sơn bằng 2 lớp sơn chống gỉ, hai lớp sơn màu đỏ. Ống đi ngầm trong đất/bê tông được sơn lót nhựa đường bọc vải thủy tinh dày

6mm.

- Công suất hệ thống xử lý nước thải: 36m³/giờ.



Hình 3.4. Bể tách xăng dầu, bể lắng cặn, hố thu dầu

- Công nghệ xử lý: Phương án xử lý nước thải của kho sử dụng biện pháp lắng gạn cơ học kết hợp với xử lý bằng phương pháp hóa lý. Trong giai đoạn I của dự án nước thải được xử lý bằng phương pháp lắng gạn cơ học. Nước thải sau khi lắng gạn cơ học sẽ được đơn vị có chức năng xử lý chất thải nguy hại vận chuyển và xử lý.

- Quy trình xử lý: Nước thải từ quá trình súc rửa bể chứa được dẫn vào bể tách xăng dầu. Tại đây nhờ sự khác nhau về trọng lượng riêng của dầu và nước nên dầu sẽ nổi lên trên mặt nước rồi được tách ra, những tạp chất rắn (chủ yếu là chất vô cơ) lắng xuống đáy bể. Váng dầu nổi lên được thu vào ống thu chảy vào hố thu dầu được lấy ra khỏi ngăn thu (dùng bơm lắc tay/máy bơm hút xăng dầu/giấy thấm dầu), sau đó được đơn vị có chức năng xử lý chất thải nguy hại đưa đi xử lý theo hợp đồng. Tại đây nước thải đồng thời cũng được điều hoà về nồng độ. Nước thải sau bể tách váng dầu, lượng dầu còn lại vẫn cao khoảng 100 mg/l chủ yếu tồn tại tại ở dạng nhũ phân tán trong nước và dưới dạng được hấp phụ lên các chất rắn lơ lửng.

- Vận hành bể lắng: Bình thường các van của bể thường mở để làm việc. Khi cần thu hồi dầu (trường hợp lớp dầu trong bể lớn hơn 0,1m), thì đóng van cho mức nước trong bể dâng lên, dầu theo ống thu vào máng theo ống dẫn ngăn thu, khi thấy lớp dầu trong bể mỏng đi thì mở van để bể tiếp tục làm việc. Lấy dầu ra khỏi ngăn thu bằng bơm lắc tay.

- Chế độ vận hành: Công trình xử lý nước mưa nhiễm dầu vận hành không liên tục. Các công trình này chỉ vận hành khi trời mưa và khi xảy ra sự cố cháy, tràn dầu.

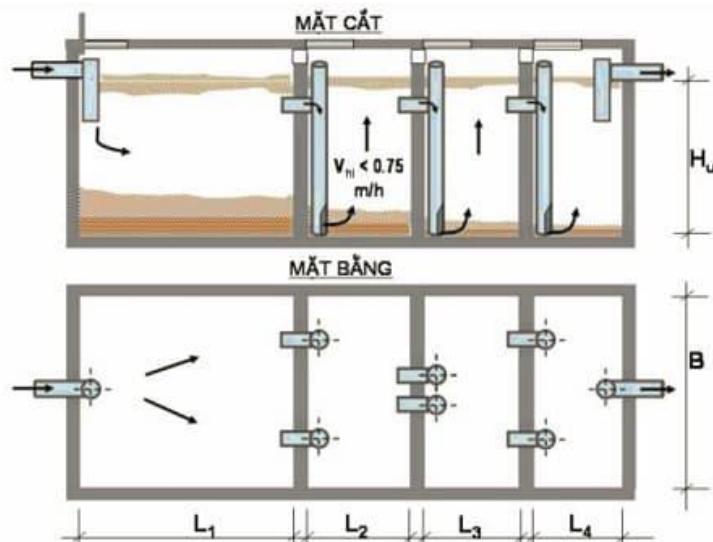
- Nước mưa nhiễm dầu sau khi được xử lý sơ bộ được xả vào hệ thống thu gom xử lý nước thải của KCN Châu Sơn (theo Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ xử lý nước thải số 01/10/24/XLNT/HVPID-XĂNG DẦU ngày 01 tháng 10 năm 2024 giữa Công ty TNHH MTV VPID Hà Nam và Công ty TNHH MTV Xăng dầu Hà Nam)

1.3.2. Công trình xử lý nước thải sinh hoạt

Công trình xử lý nước thải sinh hoạt là bể tự hoại.

- Chức năng của từng công trình: Thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt phát sinh từ bồn cầu vệ sinh;

- Quy mô: Bể tự hoại có kết cấu đáy BTCT, tường gạch trát xi măng, kích thước chiều dài 2200 mm, chiều rộng 1.550 mm, chiều cao 1.000 mm, dung tích 1,5 m³;



Hình 3.5. Sơ đồ cấu tạo bể tự hoại 4 ngăn

- Công suất: 1,5 m³/ngày

- Công nghệ: Bể tự hoại sử dụng phương pháp phân hủy sinh học để xử lý phân, nước tiểu từ bồn cầu vệ sinh; hồ ga sử dụng phương pháp lắng để xử lý nước thải từ chậu rửa lavabo và sàn khu vệ sinh do các hoạt động tắm, giặt, rửa.

- Quy trình xử lý: Bể tự hoại có 4 ngăn, ngăn thứ nhất của bể tự hoại, có vai trò làm ngăn lắng- lên men kỵ khí, đồng thời điều hoà lưu lượng và nồng độ chất bẩn. Ngăn thứ 2 là ngăn lên men axit, ngăn thứ 3 là ngăn lên men kiềm. Nhờ các vách ngăn hướng dòng, ở những ngăn tiếp theo, nước thải chuyển động theo chiều

từ dưới lên, tiếp xúc với các vi sinh vật kỵ khí trong lớp bùn, các chất bẩn được các vi sinh vật hấp thụ và chuyển hoá thành CO₂, H₂O, CH₄, H₂S. Ngăn thứ 4 là ngăn lọc sinh học kỵ khí, có tác dụng làm sạch bổ sung nước thải, nhờ các vi sinh vật kỵ khí bám trên bề mặt các hạt vật liệu lọc và ngăn chặn lơ lửng trôi theo nước ra ngoài. Trong mỗi bể tự hoại đều có ống thông hơi để giải phóng lượng khí sinh ra trong quá trình lên men kỵ khí và để thông các ống đầu vào, đầu ra khi bị nghẹt. Nước thải sau khi ra khỏi bể tự hoại hàm lượng các chất rắn lơ lửng TSS, nhu cầu oxy hóa học COD, nhu cầu oxy sinh hóa BOD5 trung bình giảm 70-75%.

- Chế độ vận hành: Do cơ sở chỉ có 5 CBNV, hoạt động tắm giặt, vệ sinh không diễn ra liên tục trong ngày nên chế độ vận hành của công trình xử lý nước thải sinh hoạt là vận hành không liên tục.

- Nước thải sinh hoạt sau khi được xử lý sơ bộ được xả vào hệ thống thu gom xử lý nước thải của KCN Châu Sơn (*theo Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ xử lý nước thải số 01/10/24/XLNT/HVPID-XĂNG DẦU ngày 01 tháng 10 năm 2024 giữa Công ty TNHH MTV VPID Hà Nam và Công ty TNHH MTV Xăng dầu Hà Nam*).

2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

- Bụi và khí thải phát sinh từ quá trình vận hành kho Xăng dầu Hà Nam gồm các nguồn chính sau:

+ Sự bay hơi xăng dầu từ quá trình hoạt động xuất nhập, lưu trữ của kho: Kho xăng dầu Hà Nam chỉ xuất nhập xăng dầu bằng đường ống cho nên không phát sinh bụi khi vận hành xuất nhập xăng dầu và khi tồn chứa xăng dầu. Khí thải là hơi xăng dầu thoát ra khi nhập xăng dầu vào bể, lượng khí thải này gián đoạn, chỉ phát thải khi kho xuất nhập xăng dầu.

+ Bụi và khí thải phát sinh do hoạt động của các phương tiện vận tải ra vào kho: Các phương tiện vận tải ra vào kho gồm các phương tiện vận chuyển CTNH, CTRSH; các phương tiện này (của các đơn vị có chức năng vận chuyển và xử lý chất thải được cơ sở thuê vận chuyển) đều đáp ứng các yêu cầu về an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường, ra vào kho trong thời gian ngắn trong ngày; hoạt động vận chuyển CTNH diễn ra không thường xuyên; do đó, lượng bụi và khí thải từ các phương tiện này thải ra là không đáng kể.

+ Bụi và khí thải phát sinh do hoạt động lưu trữ chất thải, vệ sinh kho: Chất thải nguy hại được thu gom ngay khi phát sinh và lưu giữ trong các thùng có nắp đậy kín; bể chứa xăng dầu mỗi năm chỉ súc rửa 1 lần, mỗi lần súc rửa 01 bể chứa, thời gian súc rửa 1 ngày; chất thải sinh hoạt được thu gom và lưu trữ trong thùng có nắp và được thu gom hàng tuần; nên lượng khí thải phát sinh từ các hoạt động

lưu trữ chất thải, vệ sinh kho của cơ sở là không đáng kể. Ngoài ra, nền bãi của cơ sở chủ yếu là trồng thảm cỏ và cây xanh, việc vệ sinh kho chủ yếu là quét lá cây, cỏ trên nền bãi nên bụi phát sinh là không đáng kể.

Công trình, biện pháp giảm thiểu khí thải:

Để giảm thiểu phát sinh khí thải là hơi xăng dầu thoát ra khi nhập xăng dầu vào bể, bể chứa xăng dầu đã được lắp đặt van thở và mái phao chống bay hơi xăng dầu khi tồn chứa và xuất nhập.

+ Thông số kỹ thuật của van thở: Đường kính: 6”; lưu lượng khí thở khi làm việc tối đa: 250 m³/h; áp suất dư (áp suất bên trong bể lớn hơn bên ngoài khi nhập xăng dầu) để van thở làm việc: P_{dư}= 14,8 mmHg; áp suất âm (áp suất bên trong bể nhỏ hơn bên ngoài khi xuất xăng dầu) để van thở làm việc: P_{âm}= -2 mmHg.

+ Thông số kỹ thuật của mái phao chống bay hơi xăng dầu khi tồn chứa và xuất nhập: Đường kính mái phao: 23,8 m (phủ kín và nổi trên mặt thoáng của xăng dầu trong bể); ống nhôm làm nổi mái phao có đường kính 250 mm.

Các biện pháp khác để giảm thiểu bụi và khí thải như:

- + Trồng cây xanh, thảm cỏ với diện tích khoảng 24,5 % diện tích kho.
- + Kiểm tra định kỳ các bể chứa, hệ thống đường ống, các van và mặt bích, các khớp nối nhằm phát hiện và sửa chữa kịp thời, không để xảy ra rò rỉ xăng dầu.
- + Bảo dưỡng và sửa chữa định kỳ các thiết bị như các bể chứa, hệ thống đường ống công nghệ, van, mặt bích, khớp nối, gioăng, đệm...
- + Vận hành hệ thống xuất nhập đúng quy trình, tránh rơi vãi, tràn ra ngoài.
- + Đường nội bộ rải đá 1x2 nhựa thâm nhập, thường xuyên vệ sinh làm sạch bề mặt đường nhằm làm giảm bụi phát tán.
- + Tưới nước rửa làm sạch mặt đường để giảm bụi phát tán nhất là trong những ngày khô hanh.
- + Không cho các phương tiện cũ nát, hết thời gian lưu hành cho phép ra vào kho.
- + Nâng cao ý thức của các cán bộ và công nhân vận hành hệ thống.
- + Phun ẩm vào nền kho khi vệ sinh nhằm hạn chế bụi phát tán.
- + Công nhân làm vệ sinh khu bể được trang bị các thiết bị bảo hộ theo quy định về an toàn vệ sinh lao động.

3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

Công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

Tại tại khu vực nhà thường trực của cơ sở có trang bị 03 thùng chứa rác thải

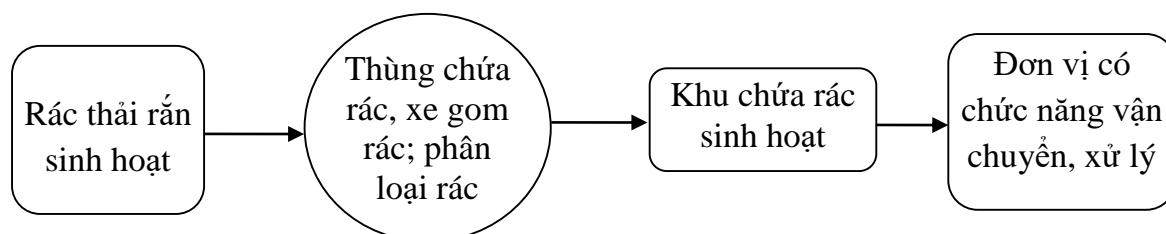
sinh hoạt có dung tích 60 lít bằng nhựa để phân loại chất thải. Hàng ngày rác thải phát sinh bao gồm: Giấy, rác, các loại phế thải ... được thu gom vào các thùng rác thải. Ngoài ra còn có 01 xe gom rác đẩy tay loại 500 lít để thu gom cỏ, lá cây, ... trong phạm vi kho chứa xăng dầu.

Sau đó, rác thải được đơn vị thu gom là Công ty Cổ phần Môi trường & Công trình đô thị Hà Nam đưa đi xử lý theo quy định (theo Hợp đồng kinh tế số 40/2024/HĐKT về việc cung cấp dịch vụ vệ sinh môi trường giữa Công ty TNHH MTV Xăng dầu Hà Nam và Công ty CPMT và Công trình đô thị Hà Nam).



Hình 3.6. Xe thu gom rác đẩy tay của cơ sở

Quy trình thu gom lưu trữ chất thải rắn sinh hoạt của cơ sở:



Hình 3.7. Sơ đồ quy trình quản lý rác thải sinh hoạt

Chủng loại, khối lượng chất thải rắn thông thường:

- Các loại chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại cơ sở được phân loại tại nguồn (theo quy định tại khoản 1 Điều 75 của Luật Bảo vệ môi trường 2020) gồm có: Chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế (gồm các chất thải vô cơ như: giấy, báo, túi nilong, ...); chất thải thực phẩm (gồm các chất thải hữu cơ như: cỏ, lá cây, ...); chất thải rắn sinh hoạt khác.

- Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt: Có tối đa 5 CBNV làm việc tại cơ sở, lượng rác thải sinh hoạt phát sinh lớn nhất là 3,1 kg/ngày (hệ số phát thải 0,62 kg/người/ngày) tương đương 0,837 tấn/năm (một năm làm việc 270 ngày).

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường: Chất thải rắn công nghiệp thông thường của cơ sở là bùn tại các hố ga thu gom nước mưa không bị nhiễm dầu, chất thải này phát sinh khối lượng rất nhỏ, hầu như không có.

Bảng 3.3. Khối lượng chất thải rắn thông thường phát sinh năm 2023

STT	Chất thải	Đơn vị	Lượng thải	Phân loại
1	Chất thải sinh hoạt	kg	830	CTRSH
2	Bùn thải từ hố ga thu gom nước mưa chảy tràn không nhiễm dầu	kg	0	CTRCNTT

(Nguồn: Công ty TNHH MTV xăng dầu Hà Nam)

4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

Công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

Cơ sở đã xây kho chứa CTNH, diện tích khoảng 16 m². Quy cách: nhà cấp 4 không có nước mưa thấm dột, không tràn vãi chất thải ra khu vực, đảm bảo an toàn khi lưu giữ. Mặt sàn kín khít, không bị thấm thấu, chảy tràn khi có sự cố rò rỉ, đổ tràn, nền xây cao, bảo đảm tránh nước chảy tràn từ bên ngoài vào.



Hình 3.8. Kho chứa chất thải nguy hại

Kho chứa CTNH có gắn biển cảnh báo nguy hiểm theo quy chuẩn, nội quy kho, được trang bị bình chữa cháy; trong kho bố trí các thùng chứa CTNH được dán biển cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại CTNH được lưu giữ.

Chủng loại, khối lượng chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở:

- Các chất thải nguy hại được xác định, phân loại theo danh mục chất thải nguy hại ban hành tại Phụ lục III kèm theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-

BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Các loại CTNH được phân loại theo đúng quy định về quản lý CTNH, thu gom, lưu giữ trong các thùng chuyên dụng riêng, đáp ứng các yêu cầu về an toàn kỹ thuật, có ký hiệu rõ ràng theo quy định.

- Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động của cơ sở gồm có:
 - + Bóng đèn huỳnh quang thải;
 - + Giẻ lau dính dầu thải;
 - + Chất thải lẫn dầu từ quá trình vệ sinh bể chứa;
 - + Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải.
- Khối lượng CTNH phát sinh tại cơ sở trong năm 2023 và 2024 như sau:

Bảng 3.4. Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh năm 2023 và 2024

STT	Loại chất thải	Đơn vị	Trạng thái CTNH	Khối lượng năm 2023	Khối lượng năm 2024	Mã CTNH
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	Kg/năm	Rắn	7,5	1	16 01 06
2	Giẻ lau dính dầu thải	Kg/năm	Rắn	16,5	3	18 02 01
3	Chất thải lẫn dầu từ quá trình vệ sinh bể chứa xăng dầu	Kg/năm	Bùn		2990	19 07 01
4	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải	Kg/năm	Bùn			01 04 07
	Tổng cộng	Kg/năm		24	2994	

(Nguồn: Công ty TNHH MTV xăng dầu Hà Nam)

- Vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại: Để xử lý chất thải nguy hại, chủ cơ sở đã ký hợp đồng thuê Công ty cổ phần đầu tư và kỹ thuật tài nguyên môi trường ETC (theo Hợp đồng dịch vụ vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại số 10005/2024/HĐKT/ETC ngày 01 tháng 10 năm 2024 giữa Công ty TNHH MTV Xăng dầu Hà Nam và Công ty cổ phần và đầu tư kỹ thuật tài nguyên môi trường ETC) vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở.

5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

Trong giai đoạn dự án đi vào hoạt động các nguồn gây tiếng ồn, độ rung

phát sinh từ các phương tiện vận chuyển, máy bơm...Tuy nhiên mức ồn và độ rung không lớn. Để hạn chế tác động của tiếng ồn, độ rung các biện pháp chủ yếu đã được áp dụng và thực hiện như sau:

- Lựa chọn thiết bị: lựa chọn thiết bị tiên tiến, có độ ồn thấp, độ rung nhỏ.
- Sử dụng các phương tiện, máy móc, thiết bị đã được đăng kiểm đảm bảo tiêu chuẩn, hoạt động đúng công suất, thường xuyên được bảo trì, bảo dưỡng.
- Các phương tiện ra vào kho xăng dầu phải đảm bảo đủ điều kiện tham gia giao thông đường bộ.
- Thiết kế lắp đặt, vận hành các máy móc, thiết bị theo đúng kỹ thuật.
- Các máy bơm được gắn cố định vào các bệ đỡ, các bệ đỡ có kết cấu bê tông mác 250; các đường ống hút, ống đẩy được gắn vào giá đỡ bằng thép gắn cố định xuống nền bê tông mác 200.

6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

6.1. Sự cố về cháy nổ

6.1.1. Hồ sơ pháp lý có liên quan đến công tác PCCC&CNCH

- Kho Hà Nam được đưa vào sử dụng năm 2008, được Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an tỉnh Hà Nam cấp Giấy chứng nhận thẩm duyệt về PCCC số 06/TD-PCCC ngày 20/3/2006, Biên bản kiểm tra nghiệm thu hệ thống PCCC ngày 05/6/2008, Giấy chứng nhận đủ điều kiện về PCCC số 31/ĐK-PCCC ngày 11/6/2008.

- Đã lập và lưu giữ hồ sơ theo dõi quản lý công tác PCCC&CNCH; xây dựng phương án chữa cháy cơ sở, xây dựng phương án cứu nạn, cứu hộ của cơ sở theo quy định.

- Đội PCCC chuyên ngành gồm 20 đội viên, được cấp chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ PCCC ngày 09/11/2021, cấp Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ PCCC&CNCH ngày 27/10/2022, cấp Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ CNCH ngày 29/3/2023, tham gia bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC ngày 29/3/2023.

- Đã mua bảo hiểm mọi rủi ro tài sản bao gồm cháy, nổ bắt buộc của Công ty Bảo hiểm PJICO Nam Định cho toàn bộ các đơn vị thuộc Chi nhánh xăng dầu Hà Nam theo Giấy chứng nhận bảo hiểm số P-23/NDI/KDO/31117000009 có thời hạn từ ngày 01/6/2023 đến ngày 01/6/2024

- Hệ thống thu lôi - tiếp địa đã được Trung tâm ứng dụng tiên bộ KHCHN&KĐ,KN của Sở Khoa học và Công nghệ Hà Nam do kiểm tra và có Phiếu kết quả đo 37/2023/TT ngày 06/10/2023, đo tại kho xăng dầu Hà Nam, kết quả đo hệ thống nối đất chống sét đánh thẳng, chống sét cảm ứng và chống tĩnh điện

là 1.0 Ω , đảm bảo yêu cầu, kết quả đo hệ thống nối đất an toàn là 0,6 Ω .

- Biên bản tự kiểm tra định kỳ và biên bản tự thực tập phương án chữa cháy cho cơ sở.

- Biên bản kiểm tra an toàn về PCCC của Phòng cảnh sát PCCC&CNCH Công an tỉnh Hà Nam ngày 16 tháng 4 năm 2024 đã đánh giá: Lãnh đạo Chi nhánh đã tổ chức thực hiện quy định an toàn về phòng cháy và chữa cháy tại cơ sở, thực hiện các kiến nghị của cơ quan Cảnh sát PCCC&CNCH, chưa để xảy ra sự cố, cháy, nổ, tai nạn.

6.1.2. Các công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ

Quy mô công trình, công năng sử dụng:

Kho xăng dầu Hà Nam được xây dựng trên khu đất có diện tích 42.970 m², gồm 04 bể chứa xăng dầu, dung tích mỗi bể là 5.000 m³. Quy mô, công năng sử dụng của các hạng mục công trình theo thiết kế đã được nghiệm thu về PCCC.

Giao thông phục vụ chữa cháy:

Đường ô tô chữa cháy: Xung quanh đê bao ngăn cháy khu bể chứa làm đường ô tô chiều rộng 3,5 m để phục vụ cho người và phương tiện chữa cháy tiếp cận với đám cháy bể chứa xăng dầu được thuận lợi nhất. Đường ô tô chữa cháy được nối liên hoàn với hệ thống đường công vụ trong kho và nối với các cổng ra vào và cổng thoát hiểm của kho.

Đường giao thông bên ngoài, bên trong của cơ sở thông thoáng, không bị cản trở.

Nguồn nước phục vụ chữa cháy:

Ao nước phục vụ chữa cháy 1.500m³, cách cụm bể chứa 50 m, xe và máy bơm chữa cháy có thể hút được nước.

Hệ thống, phương tiện PCCC:

- Trang bị hệ thống chữa cháy cố định gồm:

+ 04 máy bơm chữa cháy công suất P=75KW/máy bơm, kết nối với téc bọt chữa cháy 15 m³ (thực chứa 09 m³), máy bơm chữa cháy hoạt động bình thường, các họng nước chữa cháy có đầy đủ lăng, vòi chữa cháy.

+ 04 bơm cứu hoả cố định đảm bảo cấp đủ nước cho 2 vòi lăng làm mát cứu hoả và đường nước làm mát xung quanh cho 04 bể hoạt động liên tục trong 3h (đối với mùa khô).

- Phương tiện chữa cháy ban đầu gồm: Trang bị 01 máy bơm chữa cháy di động TOHATSU V52; 12 bình chữa cháy xách tay loại MFZ8; 08 bình chữa cháy

xách tay loại MTS. Các bình chữa cháy còn chốt kẹp chì, áp lực khí, chất chữa cháy, bố trí tại nơi dễ thấy, dễ sử dụng không bị cản trở, được kiểm tra hàng tháng (có sổ theo dõi kiểm tra); máy bơm chữa cháy hoạt động bình thường (có sổ theo dõi vận hành kiểm tra chạy thử hằng ngày). Đã niêm yết nội quy, tiêu lệnh PCCC, biển cấm, biển báo tại các khu vực.

- Phương tiện PCCC cho đội chuyên ngành (của kho xăng dầu K135 bao gồm kho Hang hầm, kho Hà Nam và bến xuất xăng dầu): Đã trang bị 10 bộ trang phục chữa cháy (quần, áo, mũ, ủng, găng tay), 06 bộ quần áo chữa cháy amiăng, 10 mặt nạ lọc độc, 03 mặt nạ phòng độc cách ly, 02 rìu, 01 xà beng, 01 búa tạ, 02 bộ đàm, 03 đèn pin chịu nước, 02 dây cứu người (30m/dây), 01 thang nhôm 4,5m, 01 cẩu cứu thương, đảm bảo theo Thông tư số 150/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công An. Tại thời điểm kiểm tra, các phương tiện hoạt động bình thường, có sổ theo dõi định kỳ.



Hình 3.9. Ao chứa nước chữa cháy, đường ống chữa cháy, gara + nhà bơm nước chữa cháy

Hệ thống thu lôi – tiếp địa:

- Các bể chứa xăng dầu được lắp thiết bị ngăn tia lửa cháy ngược vào trong bể.

- Lắp đặt hệ thống chống sét đánh thẳng, tĩnh điện và sét cảm ứng:

+ Đối với các bể thép: Tiếp địa cho thành bể với điện trở tiếp đất $R < 4\Omega$ bảo vệ chống sét cho van thở và các thiết bị trên mái bể bằng hệ kim thu sét cao 4,5 m gắn trên mái bể.

+ Các đường ống dẫn sản phẩm dầu đặt nổi trong công trình: Thực hiện chống sét cảm ứng và chống tĩnh điện ở các vị trí đường ống vào, ra công trình. Dọc tuyến ống với khoảng cách 150 đến 200 m có bố trí các hệ cọc tiếp địa. Những vị trí nổi bích của đường ống đều có các cầu đồng nổi qua bích đảm bảo liên tục về mặt dẫn điện theo qui định.

Thiết bị an toàn điện:

- Các thiết bị sử dụng điện đều có tiếp đất an toàn.

- Lắp đặt thiết bị an toàn cho đường dây tải điện và thiết bị tiêu thụ điện (aptomat bảo vệ ngắn mạch và ngắn mạch chạm đất...).

6.1.3. Các biện pháp khác để phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ

Đảm bảo khoảng cách PCCC:

Vị trí kho và vị trí các công trình trong kho đảm bảo khoảng cách an toàn PCCC đến các công trình lân cận xung quanh và khoảng cách an toàn PCCC giữa kho và các công trình trong kho với nhau.

Khoảng cách giữa các hạng mục công trình trong cơ sở theo thiết kế đã được nghiệm thu về PCCC. Trong khoảng cách đó không để hàng hoá, vật tư dễ cháy, xây dựng thêm công trình.

Đảm bảo yêu cầu về thoát nạn khi xảy ra sự cố:

Các cửa và lối thoát nạn thông thoáng. Đồ dùng, thiết bị trong kho được sắp xếp gọn gàng, không làm cản trở đường, lối thoát nạn.

Thực hiện tuyên truyền, kiểm tra nhận thức về PCCC:

- Thường xuyên tuyên truyền, nhắc nhở cán bộ, công nhân viên thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn PCCC trong quá trình hoạt động; tự kiểm tra an toàn PCCC tại cơ sở theo quy định.

- Kiểm tra nhận thức của đội PCCC chuyên ngành: Đã nắm bắt quy định và biết cách thao tác, sử dụng hệ thống, phương tiện PCCC được trang bị tại cơ sở, giả định tình huống cháy, đội PCCC chuyên ngành đã biết quy trình triển khai

lực lượng, phương tiện PCCC để chữa cháy theo tình huống cháy giả định.

Đảm bảo yêu cầu trong vận hành:

- Quá trình vận hành bể chứa nếu xăng dầu rò rỉ ra ngoài phải làm vệ sinh sạch ngay (dùng giẻ/cát/giấy thấm dầu thấm khô sau đó lau sạch).

- Trong kho tuyệt đối không sử dụng lửa trần, không để các hoá chất, dụng cụ sinh nhiệt, tia lửa khi tiếp xúc va chạm.

- Gắn các biển cấm lửa, nội quy PCCC, khẩu hiệu, tiêu lệnh, số điện thoại PCCC,... để mọi người nhìn thấy và nêu cao ý thức cảnh giác

- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định hiện hành của Nhà nước và của tỉnh, đặc biệt là các quy định về phòng cháy và chữa cháy.

- Có đội ngũ bảo vệ trong khu vực dự án để bảo vệ tài sản, trật tự an ninh xã hội. Thường xuyên kiểm tra sự chấp hành nội quy để hạn chế các tai nạn và sự cố có thể xảy ra.

- Định kỳ kiểm tra mức độ tin cậy của các thiết bị an toàn (báo cháy, chữa cháy, chống sét, aptomat..) và có biện pháp thay thế kịp thời.

- Công nhân vận hành thiết bị điện được trang bị găng tay cách điện, ủng cách điện.

Các biện pháp ứng phó với sự cố:

- Khi phát hiện có cháy trong khu vực thì trước hết phải dừng ngay việc nhập xuất xăng dầu trong khu vực, áp dụng các biện pháp tạo ra vùng ngăn cháy, cắt toàn bộ hệ thống điện dẫn vào khu vực cháy, đồng thời sử dụng hệ thống phòng cháy chữa cháy tại chỗ khẩn trương thực hiện công tác chữa cháy kịp thời dập tắt đám cháy trong thời gian ngắn nhất, tìm mọi cách cứu người bị nạn ra khỏi khu vực nguy hiểm, di dời ngay người và trang thiết bị ra khỏi vị trí cháy sang nơi an toàn.

- Khởi động máy bơm nước chữa cháy và mở các van tương ứng để bơm để bơm nước vào hệ thống ống dẫn, mở van cấp nước tưới mát bể bị cháy và các bể lân cận. Khởi động máy bơm dung dịch chất tạo bọt, mở van cấp dung dịch chất tạo bọt cung cấp cho công tác chữa cháy. Để chữa cháy hỗ trợ khu vực ngoài để bao, sử dụng các phương tiện chữa cháy di động lấy nước, dung dịch từ các trụ cấp nước, cấp bọt bố trí trên hệ thống đường ống dẫn.

- Thông báo ngay cho cơ quan phòng cháy chữa cháy của tỉnh biết để có thể phối hợp đảm bảo công tác chữa cháy kịp thời hiệu quả, giảm tới mức tối thiểu thiệt hại tính mạng và tài sản.

6.2. Sự cố tràn dầu

Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của kho xăng dầu Hà Nam nằm trong kế hoạch ứng phó chung của kho xăng dầu K135, đã được phê duyệt theo Quyết định số 499/QĐ-UB ngày 27 tháng 8 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban quốc gia ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn về việc “Phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của Kho xăng dầu K135, thuộc Công ty xăng dầu Hà Nam”.

6.2.1. Đánh giá các khu vực có nguy cơ cao

Các nguyên nhân chủ yếu gây ra sự cố tràn dầu tại cơ sở gồm:

- Do con người: Hành động phá hoại của các tổ chức thù địch, phản động, cạnh tranh không lành mạnh; lỗi chủ quan do thao tác sai của công nhân kỹ thuật như kết nối thiết bị, chỉnh van áp suất, chỉnh van điều hướng sai, ...

- Do tai nạn: các phương tiện trong khuôn viên Bền xuất xăng dầu đâm va với xe xitec gây thủng bồn, lật xe hoặc đâm va vào các hệ thống có chứa dầu trong quá trình xuất nhập hàng gây tràn dầu.

- Do thiết bị lỗi xuống cấp: hệ thống van, khớp nối, đường ống trên các tuyến đường ống công nghệ bị xuống cấp gây nứt vỡ, đứt gãy, hư hỏng; ống dẫn bị hư hỏng do không chịu được áp suất/nhiệt độ, bơm, bể chứa xăng dầu, hệ thống xử lý nước thải nhiễm dầu bị lỗi hư hỏng/ xuống cấp.

- Do thiên tai: sấm sét, ảnh hưởng địa chấn, bão lũ, ngập lụt tại cơ sở...

Các khu vực có nguy cơ xảy ra sự cố tràn dầu chính tại kho xăng dầu Hà Nam bao gồm:

6.2.1.1. Tại khu vực bể chứa xăng dầu

Các công trình, biện pháp phòng ngừa sự cố tràn dầu chủ động tại khu vực bể chứa xăng dầu:

- Xung quanh khu vực bồn bể của kho xăng dầu Hà Nam được xây dựng hệ thống đê bao chống tràn, đồng thời là đê bao ngăn cháy bằng bê tông hạn chế việc dầu tràn lan ra ngoài môi trường khu vực bể khi có sự cố, thể tích chứa của phần tường bao đảm bảo chứa được toàn bộ trữ lượng xăng dầu của các bể.

- Xung quanh mỗi bể chứa của cơ sở đều được xây dựng rãnh thoát nước, dầu hoặc nước nhiễm dầu, hệ thống này giúp thu gom dầu tràn khi có sự cố hoặc nước mưa, nước xả bồn bể.

- Quá trình nhập hàng, bơm chuyển bể tại các kho đều được thực hiện theo quy trình nghiêm ngặt, luôn được kiểm tra, giám sát trong suốt quá trình vận hành xuất nhập xăng dầu.

- Định kỳ hàng năm, cơ sở tiến hành bảo trì, bảo dưỡng, sơn sửa các bồn bể.

Đánh giá: Sự cố tràn dầu tại khu vực bồn bể thường diễn biến phức tạp, khó lường đặc biệt là khi xảy ra động đất, sụt lún tại các bể chứa xăng dầu (tuy nhiên khả năng này rất hiếm khi xảy ra) hoặc dầu tràn rò rỉ từ đáy bồn trong thời gian dài tích lũy thành khối lượng lớn, ngấm sâu xuống lòng đất và đi vào mạch nước ngầm, khiến việc xử lý rất khó khăn... Với các công trình, biện pháp phòng ngừa, quy trình kiểm soát nghiêm ngặt, sự cố tràn dầu tại khu vực bể chứa tại cơ sở được đánh giá có thể xảy ra ở mức nhỏ đến mức trung bình (<500m³).

6.2.1.2. Tại khu vực các tuyến đường ống công nghệ

Ngoài các tuyến ống phục vụ nội bộ của cơ sở thì giữa các khu vực (Kho hang hầm, Kho xăng dầu Hà Nam, Bền xuất xăng dầu) còn có: Đường ống dẫn xăng dầu từ Kho hang hầm đến Kho xăng dầu Hà Nam/khu bể chứa của Bền xuất gồm 02 đường ống dài khoảng 2 km, đi ngầm dưới đất; đường ống dẫn xăng dầu từ Kho xăng dầu Hà Nam đến dàn bơm xuất nhập của Bền xuất xăng dầu dài khoảng 0,45 km, đi nổi trên mặt đất.

Nguy cơ sự cố tràn dầu có thể xảy ra tại các khu vực này gồm:

- Bị rò rỉ gây vỡ tuyến ống trong quá trình xuất/nhập hàng: Ống công nghệ bị xuống cấp, ăn mòn, tỳ vết, va chạm gây rò rỉ dầu; ống công nghệ bị quá áp do làm sai quy trình thao tác; tai nạn giao thông do phương tiện đâm va vào hệ thống giá đỡ đường ống hoặc đường ống (đối với đường ống nổi); tác động ngoại lực, gió bão, động đất gây vỡ đường ống.

- Bị rò rỉ phun trào từ hệ thống van, mặt bích và khớp nối trong quá trình nhập, xuất hàng và giãn nở do nhiệt độ, sụt lún: Sự cố van trên tuyến ống; rò rỉ gioăng tại các khớp nối, mặt bích trên đường ống; rò rỉ từ các mối hàn nứt vỡ, đường ống bị ăn mòn cục bộ; xe công trình xúc đào phải vị trí đường ống dẫn đến hư hỏng (đối với đường ống chìm); hành vi con người cố tình phá hoại tuyến ống, đây là nguyên nhân với xác suất rất thấp tuy nhiên không thể loại trừ vì hậu quả vô cùng nghiêm trọng.

Các biện pháp bảo vệ, phòng ngừa sự cố tràn dầu từ đường ống công nghệ:

- Việc nhập hàng bằng đường ống được thực hiện theo quy trình, luôn có các đội tuần tra tuyến ống kết hợp với hệ thống đồng hồ báo áp và nhân viên theo dõi lượng hàng xuất/nhập qua hệ thống lưu lượng kế.

- Hàng năm, đối với hệ thống đường ống công nghệ nổi được kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng định kỳ. Đối với hệ thống đường ống công nghệ chìm được kiểm tra độ dày định kỳ tại các vị trí khác nhau.

Đánh giá: Do có các biện pháp bảo vệ tốt, chủ động phòng ngừa sự cố tràn dầu tại khu vực đường ống công nghệ, nên đánh giá nguy cơ xảy ra sự cố tràn dầu đối với khu vực này khá thấp. Tuy nhiên vì kho có đoạn đường ống ngầm dưới đất nên việc phát hiện chính xác đoạn bị sự cố, đặc biệt là sự cố rò rỉ đòi hỏi phải tuần tra, theo dõi thường xuyên và nếu có sự cố tràn dầu xảy ra tại khu vực đường ống ngầm thì việc xử lý khá phức tạp. Lượng dầu tràn tại khu vực đường ống công nghệ phụ thuộc vào chiều dài tuyến ống, công suất bơm và thời gian phát hiện sự cố, đánh giá sự cố tràn dầu tại khu vực này có thể xảy ra với trữ lượng dầu tràn < 55 m³. Để phát hiện rò rỉ xăng dầu đường ống ngầm và đáy bể, hằng ngày kho đo kiểm tra chiều cao xăng dầu để phát hiện, nếu thấy hao hụt bất thường thì có biện pháp kiểm tra ngay để tìm nguyên nhân.

6.2.1.3. Tại hệ thống thu gom nước mưa, xử lý nước thải nhiễm dầu

Nước thải nhiễm dầu chủ yếu phát sinh từ quá trình súc rửa bể chứa xăng dầu, máy móc thiết bị, nước mưa chảy tràn qua khu vực nhiễm dầu... Tại kho xăng dầu Hà Nam đều có hệ thống xử lý nước thải nhiễm dầu, sự cố tràn dầu có thể xảy ra do các nguyên nhân như:

- Sự cố tràn dầu lớn trong khuôn viên cơ sở khiến dầu đổ về gây quá tải công suất của hệ thống xử lý nước thải và thao tác đóng van/sập cống xả nước mưa, nước thải không kịp thời (nếu các cống xả nước mưa nước thải đang mở);

- Rạn nứt bục thủng các bể xử lý của hệ thống xử lý nước thải do địa chấn, công trình xuống cấp...

- Ngập lụt các bể chứa của hệ thống xử lý nước thải do thiên tai, mưa bão kéo dài.

Đánh giá: Khu vực xử lý nước thải cũng là một trong những điểm có nguy cơ xảy ra sự cố tràn dầu. Tuy nhiên, lượng nước thải ra không nhiều, do đó, sự cố tràn dầu tại khu vực này rất hiếm khi xảy ra và thường với trữ lượng dầu tràn không nhiều.

6.2.1.4. Tại khu vực lưu chứa chất thải nguy hại

Tại Kho xăng dầu Hà Nam có 01 kho lưu chứa chất thải nguy hại. Kho chứa chất thải nguy hại này được đặt tại khu vực riêng và có biển báo nguy hiểm. Tại khu vực lưu chứa chất thải nguy hại có thể xảy ra sự cố tràn dầu do: Tràn đổ chất thải nhiễm dầu trong quá trình lưu chứa tạm thời; tràn đổ chất thải nhiễm dầu trong quá trình vận chuyển; sự cố thiên tai gây hỏng mái che ngập lụt kho chứa khiến chất thải nhiễm dầu tràn ra môi trường.

Đánh giá: sự cố tràn dầu tại khu vực này rất hiếm khi xảy ra và thường với

trữ lượng dầu tràn rất nhỏ, bên cạnh đó trong kho đã có tường bao ngăn dầu cháy tràn

* **Kết luận:** Trên cơ sở phương tiện, trang thiết bị, vật tư hiện có và sẽ đầu tư mua sắm thêm, lực lượng tại chỗ của cơ sở, lực lượng hợp đồng, lực lượng tăng cường phối hợp (lực lượng của tỉnh Hà Nam, lực lượng chuyên trách là Trung tâm ứng phó sự cố tràn dầu khu vực miền Bắc), nếu việc triển khai ứng phó sự cố tràn dầu kịp thời trong điều kiện thuận lợi, Kho xăng dầu K135 có khả năng ứng phó và khắc phục sự cố tràn dầu với quy mô từ mức nhỏ đến mức trung bình (dưới 500 m³).

6.2.2. Tổ chức lực lượng phương tiện ứng phó

6.2.2.1. Nguyên tắc ứng phó

- Tích cực chủ động xây dựng, cập nhật kế hoạch, đầu tư mua sắm trang thiết bị, vật tư chuyên dụng, xây dựng các phương án ứng phó, hợp đồng với các đơn vị để sẵn sàng ứng phó khi có sự cố tràn dầu xảy ra;

- Tiếp nhận, xử lý thông tin sự cố tràn dầu kịp thời, ưu tiên bảo đảm thông tin cho hoạt động ứng phó, chủ động xây dựng và điều chỉnh phương án ứng phó sát, phù hợp với tình huống thực tế, phát huy sức mạnh tổng hợp theo phương châm 4 tại chỗ, 3 sẵn sàng để ứng phó kịp thời, hiệu quả;

- Báo cáo tình hình kịp thời về đơn vị chủ quản là Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam và cấp có thẩm quyền khi vượt quá khả năng ứng phó;

- Phối hợp, huy động mọi nguồn lực để nâng cao hiệu quả trong phòng ngừa và ứng phó sự cố tràn dầu, ưu tiên hoạt động cứu người trước sau đó đến tổ chức ứng phó và bảo vệ môi trường;

- Đảm bảo an toàn về người, phương tiện, phòng chống cháy nổ trước, trong, sau quá trình ứng phó, khắc phục hậu quả;

- Chỉ huy thống nhất, phối hợp, hiệp đồng chặt chẽ với các lực lượng đến tham gia hoạt động ứng phó;

- Bên gây ra sự cố tràn dầu phải chịu trách nhiệm bồi thường mọi thiệt hại do dầu tràn gây ra theo quy định của pháp luật.

6.2.2.2 Biện pháp ứng phó

a. Thông báo, báo động

- Khi phát hiện sự cố tràn dầu xảy ra, người phát hiện sự cố phải nhanh chóng sử dụng các phương thức, phương tiện thông tin như: hô hoán, đánh kèng, bộ đàm, điện thoại cố định để báo động, thông báo cho mọi người xung quanh khu vực xảy ra sự cố, Đội trưởng phụ trách bộ phận, Đội trưởng Đội ứng phó sự cố tràn

dầu của Kho.

- Đội trưởng Đội ứng phó sự cố tràn dầu nắm chắc tình hình báo cáo Ban chỉ huy ứng phó sự cố tràn dầu của Kho (Trưởng ban là Trưởng kho) để cho ý kiến chỉ đạo ứng phó.

- Tuỳ theo quy mô sự cố, Ban chỉ huy ứng phó sự cố tràn dầu của Kho thông báo, báo động cho các lực lượng, đơn vị sau:

+ Sự cố nằm trong khả năng ứng phó của cơ sở: tiến hành thông báo, báo động cho (1) Đội ứng phó sự cố tràn dầu của Kho, (2) Ban chỉ huy ứng phó sự cố tràn dầu của Công ty Xăng dầu Hà Nam (để chỉ đạo và huy động các cơ sở trong khu vực trực thuộc Công ty, đơn vị hợp đồng hỗ trợ ứng phó khi cần thiết) nhanh chóng có mặt tại hiện trường, phối hợp tổ chức ứng phó; và (3) các đối tượng lân cận có thể bị ảnh hưởng bởi sự cố tràn dầu. Ban chỉ huy ứng phó sự cố tràn dầu của Công ty (Trưởng ban - Phó Giám đốc Công ty) thông báo, báo động cho chính quyền địa phương để nắm bắt tình hình, giám sát quá trình triển khai công tác ứng phó của cơ sở và chuẩn bị, sẵn sàng hỗ trợ khi sự cố diễn biến phức tạp, vượt quá khả năng ứng phó của cơ sở.

+ Khi sự cố vượt quá khả năng ứng phó của cơ sở: Lãnh đạo Công ty Xăng dầu Hà Nam báo cáo ít nhất một trong các đầu mối tiếp nhận thông tin về sự cố tràn dầu của địa phương và/hoặc Ban chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh Hà Nam để chính quyền địa phương đánh giá tình hình, chỉ đạo và hỗ trợ quá trình ứng phó, báo cáo về Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam để Tập đoàn biết, cho ý kiến chỉ đạo hoặc Tập đoàn báo cáo Ban chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia điều động lực lượng chuyên trách Trung tâm Ứng phó sự cố tràn dầu khu vực miền Bắc đến phối hợp ứng phó.

b. Tổ chức ngăn chặn, triển khai ứng phó

Ngăn chặn nguồn dầu tràn và phòng cháy chữa cháy:

Ngay sau khi nhận được thông báo về sự cố tràn dầu xảy ra, nhân lực tại khu vực xảy ra sự cố phải nhanh chóng dừng hoạt động sản xuất, ngắt tất cả nguồn điện, không để phát sinh các tia lửa điện tại khu vực hiện trường sự cố; Ban chỉ huy ứng phó sự cố tràn dầu Kho lệnh cho Đội ứng phó sự cố tràn dầu sử dụng lực lượng, phương tiện tại chỗ nhanh chóng ngăn chặn nguồn dầu tràn (tắt bơm, đóng các van, khóa các đường ống, khắc phục, chèn các vết rò rỉ, thùng của bể chứa, thiết bị, phương tiện chứa dầu...), bơm hút lượng dầu còn lại sang các bể chứa khác bể chứa dầu tràn hoặc phương tiện chứa tạm thời khác; phòng cháy, chữa cháy (nếu có) và tổ chức ứng phó ban đầu.

Khoanh vùng khu vực dầu tràn:

Ban chỉ huy ứng phó sự cố tràn dầu Kho sử dụng lực lượng, phương tiện tại chỗ, lực lượng hợp đồng, lực lượng các cơ sở lân cận, các lực lượng hỗ trợ khác (nếu cần thiết) dùng phương tiện, trang thiết bị, vật tư ứng phó sự cố tràn dầu huy động được, áp dụng các biện pháp phù hợp với tình hình thực tiễn để khoanh vùng, cô lập dầu tràn như: dùng phao quây chặn dầu, đắp bờ bao, đào rãnh, đào hố (tại các vị trí nền đất); dùng phao quây chặn dầu tại các vị trí nền bê tông (như khu vực bể chứa kho hang hầm, khu vực nền bê tông của bến xuất...) để khoanh vùng nhằm khống chế dầu tràn ra môi trường đất, nước của khu vực, đồng thời dồn dầu vào vị trí thuận lợi cho việc thu hồi và làm sạch để triển khai các bước tiếp theo; phối hợp với các cơ quan chức năng có liên quan thông báo, cảnh báo, sơ tán người và tài sản ra khỏi khu vực bị ảnh hưởng bởi sự cố.

Thu hồi dầu tràn và chất thải nhiễm dầu:

Ban chỉ huy ứng phó sự cố tràn dầu Kho sử dụng lực lượng, phương tiện tại chỗ, lực lượng hợp đồng, lực lượng các cơ sở lân cận, các lực lượng hỗ trợ khác (nếu cần thiết) dùng thiết bị bơm hút dầu, phao quây thấm dầu, góí thấm dầu, tấm thấm dầu, xơ bông thấm dầu,... để thu hồi dầu tràn. Căn cứ tình hình thực tế có thể sử dụng chất phân hủy sinh học để xử lý lượng dầu tràn.

Dầu thu hồi được lưu chứa trong bồn chứa dầu chuyên dụng, thùng phuy, téc thu gom dầu của cơ sở. Chất thải, vật liệu ứng phó nhiễm dầu được thu gom vào các bao đựng chất thải nguy hại và tập kết, lưu giữ tại Kho lưu chứa chất thải nguy hại của Kho.

c. Tổ chức khắc phục hậu quả sự cố

- Chất thải nguy hại sau thu gom (dầu thu hồi, chất thải nhiễm dầu) sẽ được Công ty Xăng dầu Hà Nam liên hệ với đơn vị có chức năng vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định tại Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Lãnh đạo cơ sở chỉ đạo bộ phận liên quan phối hợp với Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện hoặc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Nam tổ chức quan trắc, đánh giá mức độ ảnh hưởng môi trường sau sự cố, xác định biện pháp và tổ chức khắc phục ô nhiễm môi trường. Lãnh đạo cơ sở chỉ đạo lực lượng tại chỗ tổ chức làm sạch môi trường, vệ sinh sạch sẽ khu vực nhiễm dầu, bảo đảm an sinh xã hội và đời sống của nhân dân khu vực xảy ra sự cố. Nếu dầu tràn ngấm xuống dưới đất cát, đọng dưới đáy bùn, xâm nhập vào nước ngầm, cần phải xử lý ô nhiễm bảo đảm không để lại hậu quả lâu dài đối với sức khỏe người dân và môi

trường.

- Cơ sở tổng hợp, đánh giá thiệt hại về con người, môi trường, kinh tế do sự cố tràn dầu gây ra, tiến hành chi trả kinh phí cho các lực lượng tham gia ứng phó, khắc phục hậu quả sự cố tràn dầu, bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật và phục hồi môi trường khu vực bị tác động bởi sự cố.

6.2.2.3. Tổ chức sử dụng lực lượng

- Khi xảy ra sự cố tràn dầu tại Kho, Ban chỉ huy ứng phó sự cố tràn dầu của Công ty Kho phải khẩn cấp sử dụng lực lượng tại chỗ, lực lượng hợp đồng của cơ sở, lực lượng của các cơ sở lân cận (nếu cần thiết) tổ chức ứng phó theo Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của cơ sở đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Trường hợp sự cố tràn dầu vượt quá khả năng ứng phó của cơ sở thì Lãnh đạo Công ty Xăng dầu Hà Nam báo cáo kịp thời cho chính quyền địa phương nơi xảy ra sự cố và Ban chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh Hà Nam để UBND tỉnh chỉ đạo Ban chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh chủ trì, tổ chức ứng phó theo Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của tỉnh Hà Nam đã được phê duyệt.

a. Quy trình tổ chức ứng phó sự cố tràn dầu

Quy trình tổ chức ứng phó sự cố tràn dầu tại Kho gồm 05 bước sau:

Bước 1: Tiếp nhận thông tin, đánh giá tình hình sự cố

- Cá nhân/tổ chức phát hiện sự cố tràn dầu tại Kho ở bất kỳ mức độ nào cũng phải nhanh chóng thông báo, báo động đến mọi người xung quanh, đồng thời thông báo tới Đội trưởng Đội ứng phó sự cố tràn dầu của Kho.

- Nhận được thông tin về sự cố tràn dầu, Đội trưởng Đội ứng phó sự cố tràn dầu của Kho phải nhanh chóng có mặt tại hiện trường, xác minh thông tin sự cố, báo động đến toàn thể thành viên Đội ứng phó và báo cáo Ban chỉ huy ứng phó sự cố tràn dầu của Kho Công ty để đánh giá tình hình sự cố, xác định quy mô sự cố nhằm quyết định phương án ứng phó và chỉ đạo tổ chức ứng phó kịp thời.

- Nhận được thông tin về sự cố tràn dầu, Ban chỉ huy ứng phó sự cố tràn dầu của Công ty lệnh cho lực lượng tại chỗ của Kho quyết liệt ứng phó, ngăn chặn dầu tràn. Đồng thời Lãnh đạo Công ty thông báo, báo cáo đến ít nhất một trong các đầu mối tiếp nhận thông tin về sự cố tràn dầu để chính quyền địa phương, các cơ quan có chức năng biết về tình hình sự cố, giám sát và sẵn sàng các biện pháp triển khai hỗ trợ khi cần thiết, gồm: UBND xã Thanh Sơn/UBND huyện Kim Bảng; UBND phường Châu Sơn UBND thành phố Phủ Lý; Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Hà Nam; Công an tỉnh Hà Nam; Sở Công Thương; Sở Tài nguyên và Môi trường; Ban chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh Hà Nam; UBND tỉnh Hà Nam hoặc

các cơ quan chức năng có liên quan khác.

Bước 2: Vận hành cơ chế họp Ban chỉ huy ứng phó sự cố tràn dầu

- Sau khi tiếp nhận thông tin, đánh giá sơ bộ về tình hình sự cố, Ban chỉ huy ứng phó sự cố tràn dầu của Công ty và Kho tổ chức cuộc họp khẩn cấp, nghe các thành viên báo cáo tình hình sự cố và đề xuất phương án ứng phó phù hợp với tình huống thực tế. Trưởng ban chỉ huy ứng phó sự cố tràn dầu của Công ty kết luận phương án ứng phó, chỉ đạo tổng thể công tác ứng phó, đồng thời thông báo cho cơ sở, các đơn vị lân cận và các lực lượng hợp đồng (nếu cần thiết) sẵn sàng lực lượng, phương tiện tham gia ứng phó; Ban chỉ huy ứng phó sự cố tràn dầu của Kho thông báo cho lực lượng tại chỗ sẵn sàng thực hiện ứng phó theo phương án, kế hoạch đã được phê duyệt.

Bước 3: Thiết lập Ban chỉ huy tại hiện trường

Trường ban chỉ huy ứng phó sự cố tràn dầu của Công ty (Phó Giám đốc Công ty) thành lập Ban chỉ huy tại hiện trường, thành phần gồm:

- Chỉ huy trưởng: Đồng chí Trưởng ban chỉ huy ứng phó sự cố tràn dầu của Kho (Trưởng kho) trực tiếp chỉ huy, chỉ đạo các lực lượng ứng phó tại hiện trường.

- Phó chỉ huy hiện trường: Đồng chí Đội trưởng Đội ứng phó sự cố tràn dầu của Kho đảm nhiệm, giúp Chỉ huy trưởng chỉ huy, điều phối các lực lượng, phương tiện tham gia ứng phó, khắc phục hậu quả sự cố tràn dầu.

- Thành viên: Lãnh đạo chỉ huy các Phòng Đội Tổ liên quan của Kho, người chỉ huy của các lực lượng lân cận, đơn vị hợp đồng tham gia ứng phó.

Bước 4: Tổ chức ứng phó sự cố

Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy tại hiện trường chỉ đạo các lực lượng đồng thời thực hiện công tác ứng phó sự cố tràn dầu theo phương án đã phê duyệt, tổ chức thành 6 bộ phận sau (về cơ bản các bộ phận được phân chia theo Quyết định kiện toàn danh sách Đội ứng phó sự cố tràn dầu của Kho, tuy nhiên số lượng người ở từng bộ phận có thể được điều chỉnh để phù hợp với tình huống thực tế):

1 - Bộ phận thông báo, báo động:

Sau khi họp Ban chỉ huy ứng phó sự cố tràn dầu, Trưởng ban chỉ huy UPSCTD của Công ty nhanh chóng chỉ đạo Ban chỉ huy UPSCTD của Kho (huy động Đội ứng phó sự cố tràn dầu của cơ sở), các đơn vị lân cận trực thuộc Công ty, đơn vị hiệp đồng của cơ sở (nếu cần thiết) huy động lực lượng, phương tiện tổ chức ứng phó. Các cơ sở, đơn vị nhận được ý kiến chỉ đạo của Trưởng ban, tổ chức báo động đến các lực lượng của đơn vị mình và cơ động lực lượng, phương tiện nhanh chóng đến hiện trường để tham gia ứng phó.

Lực lượng thông báo, báo động của Kho phối hợp với chính quyền địa phương thông báo, báo động về tình hình sự cố cho các tổ chức, cá nhân trên địa bàn xảy ra sự cố biết để phối hợp ứng phó và phòng tránh ảnh hưởng (nếu có).

Lãnh đạo Công ty (Trưởng Ban chỉ huy UPSCTD của Công ty) báo cáo các cơ quan có liên quan về tình hình sự cố để theo dõi và chỉ đạo.

2 - Bộ phận sơ tán, đảm bảo an ninh, phòng cháy chữa cháy:

Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy tại hiện trường chỉ đạo Đội bảo vệ tổ chức chốt chặn, tuần tra, bảo vệ an ninh, an toàn tại hiện trường xảy ra sự cố, không cho người dân và các phương tiện không có nhiệm vụ đi vào khu vực sự cố, đồng thời nhanh chóng sơ tán người dân và phương tiện ra khỏi khu vực hiện trường xảy ra sự cố; phối hợp với Đội phòng cháy chữa cháy của cơ sở kích hoạt hệ thống cứu hỏa sẵn sàng để phòng chống cháy nổ, quản lý các nguồn nhiệt, nguồn lửa kể cả các nguồn nhiệt, nguồn lửa của các thiết bị, phương tiện tham gia ứng phó. Sẵn sàng phối hợp với lực lượng phòng cháy chữa cháy của địa phương hỗ trợ khi cần thiết.

3 - Lực lượng tăng cường, phối hợp:

Khi sự cố tràn dầu vượt quá khả năng ứng phó của cơ sở, Lãnh đạo Công ty Xăng dầu Hà Nam phải thông báo cho: (1) một trong các đầu mối tiếp nhận thông tin về sự cố tràn dầu của tỉnh và/hoặc Ban chỉ huy Phòng thủ dân sự cấp tỉnh đề UBND tỉnh Hà Nam chỉ đạo, điều động lực lượng đến tăng cường ứng phó theo Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của tỉnh Hà Nam; (2) báo cáo đơn vị chủ quân là Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam để Tập đoàn biết, cho ý kiến chỉ đạo hoặc Tập đoàn báo cáo Ban chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia điều động lực lượng chuyên trách Trung tâm Ứng phó sự cố tràn dầu khu vực miền Bắc đến phối hợp ứng phó.

4 - Bộ phận ứng phó sự cố tràn dầu:

Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy tại hiện trường chỉ đạo lực lượng tại chỗ, lực lượng của các cơ sở lân cận, đơn vị hợp đồng (nếu huy động) tổ chức ứng phó sự cố. Các lực lượng tham gia ứng phó phải đảm bảo đầy đủ quần áo bảo hộ chống nhiễm dầu, trang thiết bị, phương tiện phục vụ ứng phó thực hiện nhiệm vụ sau:

Ngăn chặn nguồn dầu tràn: Tổ chức ngăn chặn nguồn phát sinh dầu tràn bằng cáchn ngắt điện, tắt bơm, đóng khóa các van, đường ống, bể chứa, khắc phục các vết rò rỉ, thủng của bể, téc, thiết bị, phương tiện chứa dầu..., bơm chuyển toàn bộ lượng dầu còn lại sang các bể chứa khác hoặc phương tiện chứa tạm thời khác (nếu cần thiết).

Khoanh vùng khu vực dầu tràn: Sử dụng phương tiện, trang thiết bị, vật tư

ứng phó sự cố tràn dầu huy động được, áp dụng các biện pháp phù hợp với tình hình thực tiễn đề khoan vùng, cô lập dầu tràn như: dùng phao quây chặn dầu, đắp bờ bao, đào rãnh, đào hố bắt dầu (tại vị trí nền đất) khoan vùng nhằm khống chế dầu tràn ra môi trường, đóng hệ thống cống thoát nước mưa, nước thải để dầu không tràn vào hệ thống thoát nước của khu vực, đồng thời dồn dầu vào vị trí thuận lợi cho việc thu hồi và làm sạch.

Thu hồi dầu tràn và chất thải nhiễm dầu: Lực lượng ứng phó sử dụng thiết bị bơm hút dầu, phao quây thấm dầu, gôli thấm dầu, tấm thấm dầu, xơ bông thấm dầu,... để thu hồi dầu tràn. Cân cử tình hình thực tế có thể sử dụng chất phân hủy sinh học để xử lý lượng dầu tràn. Dầu thu hồi được lưu chứa trong bồn chứa dầu chuyên dụng, thùng phuy, téc thu gom dầu... của cơ sở. Chất thải, vật liệu ứng phó nhiễm dầu được thu gom vào các bao đựng chất thải nguy hại và tập kết, lưu giữ tại Kho lưu chứa chất thải nguy hại của Kho.

5 - Bộ phận khắc phục hậu quả môi trường:

Chất thải nguy hại sau thu gom sẽ được Công ty Xăng dầu Hà Nam liên hệ với đơn vị có chức năng vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định pháp luật. Cơ sở hiện đang hợp đồng với Công ty Cổ phần Đầu tư và Kỹ thuật Tài nguyên Môi trường ETC về việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại.

Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy tại hiện trường chỉ đạo lực lượng tại chỗ và các lực lượng liên quan khác tổ chức làm sạch môi trường, vệ sinh sạch sẽ khu vực nhiễm dầu, bảo đảm sức khỏe, an toàn vệ sinh cho cộng đồng và môi trường. Nếu dầu tràn ngấm xuống dưới đất cát, đọng dưới đáy bùn, xâm nhập vào nước ngầm, cần phải xử lý ô nhiễm bảo đảm không để lại hậu quả lâu dài đối với sức khỏe người dân và môi trường.

Phòng Kỹ thuật và Đầu tư có trách nhiệm phối hợp với Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện hoặc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Nam đánh giá kết quả xử lý ô nhiễm để làm căn cứ ra quyết định kết thúc việc xử lý sự cố.

6 - Bộ phận bảo đảm hậu cần, y tế:

Lãnh đạo cơ sở chỉ đạo bộ phận bảo đảm hậu cần, y tế bảo đảm đầy đủ hàng hóa, lương thực, thực phẩm, nhu yếu phẩm cho các lực lượng tham gia ứng phó. Các lực lượng tham gia ứng phó tự bảo đảm phương tiện cơ động cho lực lượng của mình trong quá trình tổ chức ứng phó.

Nhân viên phụ trách y tế của cơ sở có mặt tại hiện trường sẵn sàng sơ cứu nếu có người bị nạn; phối hợp với lực lượng y tế của Trạm y tế cấp xã, Trung tâm y tế cấp huyện hoặc bệnh viện gần nhất có phương án tiếp nhận bệnh nhân, thực

hiện sơ, cấp cứu, điều trị kịp thời cho người bị nạn (nếu có).

Bước 5: Tổng hợp báo cáo kết quả ứng phó

Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy tại hiện trường chỉ đạo các bộ phận liên quan phối hợp với Phòng Kỹ thuật và Đầu tư tổng hợp báo cáo, đánh giá, rút kinh nghiệm kết quả ứng phó sự cố về Công ty; Công ty Xăng dầu Hà Nam báo cáo cấp trên và các cơ quan có liên quan theo quy định.

b. Lực lượng tại chỗ

- Lực lượng tại chỗ tham gia ứng phó sự cố tràn dầu của Kho bao gồm Ban Chỉ huy và Đội ứng phó sự cố tràn dầu của Kho. Ngoài ra, lực lượng tại chỗ còn bao gồm các công nhân viên đang trong ca làm việc, ca trực khi có sự cố xảy ra được huy động hỗ trợ.

- Các lực lượng tham gia ứng phó tuyệt đối tuân thủ theo sự điều động, chỉ đạo của Ban chỉ huy, đồng thời chủ động triển khai thực hiện một cách chính xác, nhanh chóng các nhiệm vụ đã được phân công.

c. Lực lượng tăng cường

Khi sự cố tràn dầu vượt quá khả năng ứng phó của Kho, Lãnh đạo Công ty Xăng dầu Hà Nam báo cáo: (1) chính quyền địa phương sở tại và một trong các đầu mối tiếp nhận thông tin về sự cố tràn dầu của tỉnh để UBND tỉnh Hà Nam chỉ đạo, điều động lực lượng đến tăng cường ứng phó theo Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của tỉnh Hà Nam; (2) báo cáo đơn vị chủ quản là Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam để Tập đoàn biết, cho ý kiến chỉ đạo hoặc Tập đoàn báo cáo Ban chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia điều động lực lượng chuyên trách Trung tâm Ứng phó sự cố tràn dầu khu vực miền Bắc đến phối hợp ứng phó.

d. Lực lượng khắc phục hậu quả

Lực lượng khắc phục hậu quả của Kho bao gồm Đội ứng phó sự cố tràn dầu của Kho tổ chức khắc phục hậu quả, xử lý đầu thu hồi, chất thải, vật liệu ứng phó nhiễm dầu thu gom được sau quá trình ứng phó, tổ chức vệ sinh sạch sẽ khu vực hiện trường sự cố bảo đảm sức khỏe, an toàn vệ sinh cho cộng đồng và môi trường. Ngoài ra, Kho có thể báo cáo Công ty để huy động thêm lực lượng từ các cơ sở lân cận, đơn vị hợp đồng nếu cần thiết.

e. Ứng phó sự cố tràn dầu

- Đơn vị ứng phó: Đối với sự cố tràn dầu xảy ra trên đất liền trong khả năng ứng phó của cơ sở thì sử dụng lực lượng ứng phó tại chỗ của Kho kết hợp với các đơn vị lân cận và các đơn vị ứng phó theo hợp đồng để tổ chức ứng phó. Khi sự cố tràn dầu xảy ra với lượng dầu tràn lớn hoặc có diễn biến phức tạp, vượt quá

năng ứng phó của cơ sở thì Công ty báo cáo Ban chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh Hà Nam để huy động lực lượng của tỉnh (bao gồm các sở ban ngành, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Công an tỉnh...) tăng cường, hỗ trợ, báo cáo đơn vị chủ quản là Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam để Tập đoàn biết, cho ý kiến chỉ đạo hoặc Tập đoàn báo cáo Ban chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia điều động lực lượng chuyên trách Trung tâm Ứng phó sự cố tràn dầu khu vực miền Bắc đến phối hợp ứng phó.

- Phương tiện, trang thiết bị ứng phó sự cố tràn dầu: sử dụng các phương tiện, trang thiết bị, vật tư hiện có của Kho, huy động phương tiện, trang thiết bị, vật tư ứng phó từ đơn vị hợp đồng. Đối với sự cố tràn dầu xảy ra vượt quá khả năng ứng phó của Kho, Công ty báo cáo Ban chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh Hà Nam để huy động nguồn lực của tỉnh tăng cường, hỗ trợ, báo cáo cấp trên Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam để Tập đoàn báo cáo Ban chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia điều động Trung tâm Ứng phó sự cố tràn dầu khu vực miền Bắc đến tham gia hỗ trợ ứng phó.

6.3. Sự cố thiên tai

Trong trường hợp có dự báo bão to, Công ty cắt cử cán bộ thực hiện các biện pháp gia cố chống đỡ để hạn chế các ảnh hưởng do thiên tai, cử cán bộ túc trực theo dõi diễn biến của thiên tai để có các biện pháp phòng chống kịp thời.

7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

Một số biện pháp đảm bảo an toàn lao động và vệ sinh môi trường:

- Tuân thủ các quy định về an toàn lao động;
- Kiểm tra định kỳ thiết bị an toàn, chế độ vận hành của các máy móc thiết bị;
- Hệ thống ánh sáng phục vụ cho khu vực vận hành phải đảm bảo đủ cường độ chiếu sáng;
- Kiểm tra và giám sát về sức khỏe định kỳ để phát hiện các bệnh nghề nghiệp, đặc biệt là các bệnh liên quan tới đường hô hấp;
- Trang bị bảo hộ lao động: quần áo, găng tay, mũ, giày, khẩu trang và thực hiện các biện pháp an toàn lao động cho công nhân theo quy định;
- Bồi dưỡng độc hại theo quy định của ngành đối với lao động làm việc trong điều kiện độc hại;
- Thực hiện chế độ khen thưởng và xử phạt trong việc thực hiện các quy trình kỹ thuật, quy tắc an toàn lao động;
- Thường xuyên tổ chức dọn dẹp vệ sinh, đảm bảo môi trường làm việc cho CBNV;

- Phối hợp với các cơ quan chuyên môn tổ chức các lớp tập huấn về an toàn lao động và vệ sinh môi trường.

8. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường

Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường được thống kê ở bảng sau:

Bảng 3.5. Thống kê các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường

STT	Nội dung trong ĐTM	Nội dung thay đổi so với ĐTM	Lý do thay đổi
1	Mỗi năm súc rửa 2 bể, mỗi đợt súc rửa trong 2 ngày, một năm súc rửa 01 lần, lưu lượng nước thải khi tiến hành súc rửa khoảng 80 m ³ /bể/đợt súc rửa	Mỗi năm súc rửa 1 bể, mỗi đợt súc rửa trong 1 ngày, một năm súc rửa 01 lần, lưu lượng nước thải khi tiến hành súc rửa khoảng 3 m ³ /bể/đợt súc rửa	<ul style="list-style-type: none"> - Số lượng bể được súc rửa trong 01 năm và lưu lượng súc rửa trong ĐTM là căn cứ vào kết quả khảo sát hiện trạng tại một số kho xăng dầu khác thuộc Petrolimex. - Căn cứ vào tình hình vận hành thực tế của kho xăng dầu Hà Nam, mỗi năm chỉ tiến hành súc rửa 01 bể. - Lưu lượng nước thải khi súc rửa 01 bể là căn cứ vào số liệu thực tế trong quá trình hoạt động của cơ sở là 2990 kg/bể/đợt súc rửa.
2	Lượng nước mưa chảy tràn có nhiễm dầu là lượng nước mưa phát sinh trên toàn bộ diện tích khu bể chứa là 7.252,13 m ²	Lượng nước mưa chảy tràn có nhiễm dầu là lượng nước mưa phát sinh trên nền bãi khu van phía trong đê ngăn chày điều chỉnh lưu lượng nhập xuất vào bể chứa, diện tích khu vực này là 185,5 m ²	<ul style="list-style-type: none"> - Việc nhập xuất xăng dầu của cơ sở hoàn toàn sử dụng các đường ống kín. Trong điều kiện hoạt động bình thường, xăng dầu không rò rỉ từ bể chứa, không rò rỉ từ các tuyến đường ống. - Trên mặt bể chứa lắp đặt mái phao hạn chế hơi xăng dầu, mái che mưa của bể chứa không dính xăng dầu nên nước mưa chảy tràn trên bề mặt mái bể chứa không

			<p>nhiễm dầu.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khu van điều chỉnh lưu lượng nhập xuất vào bể chứa là khu vực có nguy cơ có xăng dầu rơi trên nền bãi. Khu vực này có các rãnh thu nước mưa chảy tràn, các rãnh này được ngăn với các rãnh thu nước mưa không nhiễm dầu nên nước mưa chảy tràn từ khu van này không chảy ra khu vực xung quanh. - Trong trường hợp xảy ra sự cố tràn dầu, sự cố cháy nổ thì các van (trên các đường ống thép dẫn nước từ khu vực trong đê ngăn cháy đến các rãnh thoát nước mưa không nhiễm dầu) sẽ đóng lại, nên nước từ khu vực trong đê ngăn cháy không thoát vào rãnh thoát nước mưa không nhiễm dầu)
3	<p>Nước thải nhiễm dầu từ quá trình súc rửa bể chứa, nước thải khi gặp sự cố qua hệ thống xử lý nước thải (gồm bể tách dầu, điều hòa, hố thu dầu, bể keo tụ, thiết bị lắng semultech) rồi thoát vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nước thải nhiễm dầu từ quá trình súc rửa bể chứa được đơn vị có chức năng vận chuyển và xử lý CTNH vận chuyển đi và xử lý; nước thải này không chảy vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải. - Nước thải khi gặp sự cố sau khi được thu gom vào bể tách dầu, bể 	<ul style="list-style-type: none"> - Trạm xử lý nước thải của cơ sở chưa hoàn thiện. - Hiện tại mới hoàn thiện các công trình bể tách dầu, bể lắng cặn, hố thu dầu. Trong giai đoạn II của dự án mới hoàn thiện các hạng mục: bể keo tụ, sân phơi cặn, thiết bị lắng semultech.

	của KCN Châu Sơn	lắng được đơn vị có chức năng vận chuyển và xử lý CTNH vận chuyển đi và xử lý	
4	Chưa có hạng mục công trình kho chứa CTNH	Đã xây dựng kho chứa CTNH diện tích 16 m ² .	Đề phù hợp với các quy định của pháp luật về quản lý CTNH.

CHƯƠNG IV: NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp giấy phép đối với nước thải

- Nguồn phát sinh nước thải:

+ Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt của CBNV từ khu vệ sinh của nhà thường trực.

+ Nguồn số 02: Nước mưa nhiễm dầu từ khu vực bể chứa xăng dầu.

- Lưu lượng xả nước thải tối đa: Lưu lượng xả nước thải tối đa đề nghị cấp phép là 2,8 m³/ngày đêm. Trong đó lưu lượng xả nước thải sinh hoạt tối đa là 0,6 m³/ngày đêm, lưu lượng xả nước mưa nhiễm dầu tối đa là 2,2 m³/ngày đêm.

- Dòng nước thải: Cơ sở đề nghị cấp phép 01 dòng nước thải sau khi xử lý qua hệ thống xử lý nước thải được xả vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Châu Sơn.

- Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải: Các thông số ô nhiễm và giá trị tối đa cho phép của các thông số ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt trước khi xả vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Châu Sơn phù hợp với quy định trong QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn quốc gia về nước thải công nghiệp (cột B, K_q = 1, K_f = 1) (chi tiết tại Bảng 4.1).

Bảng 4.1. Giá trị tối đa của các thông số ô nhiễm theo dòng nước thải

STT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép
1.	pH	-	5,5 – 9
2.	BOD ₅ (20 °C)	mg/l	50
3.	COD	mg/l	150
4.	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100
5.	Sunfua	mg/l	0,5
6.	Amoni (tính theo N)	mg/l	10
7.	Tổng nitơ	mg/l	40
8.	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	10
9.	Tổng phốt pho (tính theo P)	mg/l	6
10.	Tổng Coliforms	MPN/100ml	5.000

- Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải:

+ Vị trí xả thải: Tại hố ga D6-11 thu gom nước thải chung tại đường D6, KCN Châu Sơn, phường Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam. Tọa độ vị trí xả thải (Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°, múi chiều 3°): X (m) = 2269742.5691; Y (m) = 593642.5202

+ Phương thức xả thải: Xả cưỡng bức

+ Chế độ xả: Không liên tục

+ Nguồn tiếp nhận nước thải: Hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Châu Sơn.

2. Nội dung đề nghị cấp giấy phép đối với khí thải

Nguồn phát sinh khí thải chính hơi xăng dầu thoát ra khi nhập xăng dầu vào bể, lượng khí thải này gián đoạn, chỉ phát sinh khi kho xuất nhập xăng dầu. Lượng khí thải này là nhỏ do được kiểm soát bằng việc lắp đặt van thở và mái phao chống bay hơi xăng dầu khi tồn chứa và xuất nhập. Vì vậy, cơ sở không đề nghị cấp phép đối với khí thải.

3. Nội dung đề nghị cấp giấy phép đối với tiếng ồn, độ rung

Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung chính tại cơ sở là từ nhà bơm nước chữa cháy và các phương tiện ra vào kho. Tuy nhiên, các phương tiện, máy móc, thiết bị đã được đăng kiểm đảm bảo tiêu chuẩn, hoạt động đúng công suất, thường xuyên kiểm tra bảo trì thiết bị. Hơn nữa, các phương tiện lớn như xe ô tô vận chuyển chất thải của các đơn vị có chức năng ra vào kho là không thường xuyên, máy bơm nước chữa cháy chỉ hoạt động khi sự cố cháy xảy ra (từ khi hoạt động đến hiện tại, chưa xảy ra sự cố cháy tại cơ sở). Do đó, mức ồn và độ rung phát sinh là nhỏ và gián đoạn. Vì vậy, cơ sở không đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn và độ rung.

CHƯƠNG V: KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải

**Bảng 5.1. Kết quả thử nghiệm mẫu nước thải tại hố ga sau hệ thống xử lý
(Tọa độ vị trí quan trắc X: 2269819; Y: 593689)**

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả mẫu lấy ngày 27/3/2023	Kết quả mẫu lấy ngày 17/5/2023	QCVN 29 :2010/ BTNMT- Loại B	QCVN 40 :2011/ BTNMT- Loại B
1	pH	-	8,32	7,47	5,5-9	5,5-9
2	TSS	mg/L	36	38	100	100
3	Dầu mỡ	mg/L	2,16	3,65	15	10
4	COD	mg/L	48	140	100	150

Ghi chú :

- QCVN 29 :2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải của kho và cửa hàng xăng dầu, cột B quy định giá trị của thông số ô nhiễm trong nước thải khi xả vào các nguồn tiếp nhận không được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt

- QCVN 40 :2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột B quy định giá trị của thông số ô nhiễm trong nước thải khi xả vào các nguồn tiếp nhận không được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt

Đánh giá:

- Các chỉ tiêu trong mẫu nước thải tại hố ga sau hệ thống xử lý lấy ngày 27/3/2023 đều đạt giá trị cột B theo QCVN 29 :2010/BTNMT và QCVN 40 :2011/BTNMT.

- Trong các chỉ tiêu trong mẫu nước thải tại hố ga sau hệ thống xử lý lấy ngày 17/5/2023 có chỉ tiêu COD vượt giá trị cột B theo QCVN 29:2010/BTNMT nhưng đạt giá trị cột B theo QCVN 40 :2011/BTNMT. Các chỉ tiêu khác đều đạt giá trị cột B theo QCVN 29:2010/BTNMT và đạt giá trị cột B theo QCVN 40 :2011/BTNMT

2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi, khí thải

Bảng 5.2. Kết quả thử nghiệm mẫu không khí tại khu vực bể chứa dầu (Tọa độ vị trí quan trắc X : 2269904; Y : 0593501)

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả mẫu lấy ngày 27/3/2023	Kết quả mẫu lấy ngày 17/5/2023	QCVN
1	Bụi tổng số	mg/m ³	0,212	0,226	8 ⁽¹⁾
2	SO ₂	mg/m ³	0,107	0,114	10 ⁽²⁾
3	CO	mg/m ³	<5,7	<5,7	40 ⁽²⁾
4	NO ₂	mg/m ³	0,083	0,088	10 ⁽²⁾
5	C _x H _y (hơi xăng) ^(a)	mg/m ³	0,344	0,050	300 ⁽³⁾

Ghi chú:

(1): QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép tại nơi làm việc

(2): QCVN 03 :2019/BYT : Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hoá học tại nơi làm việc

Bảng 5.3. Kết quả thử nghiệm mẫu không khí tại khu vực góc phía Tây Bắc kho xăng dầu (Tọa độ vị trí quan trắc X : 2270010; Y : 0593423)

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả mẫu lấy ngày 27/3/2023	Kết quả mẫu lấy ngày 17/5/2023	QCVN
1	Bụi tổng số	µg/m ³	264	271	300 ⁽¹⁾
2	SO ₂	µg/m ³	75	78	350 ⁽¹⁾
3	CO	µg/m ³	<5700	<5700	30.000 ⁽¹⁾
4	NO ₂	µg/m ³	60	61	200 ⁽¹⁾
5	C _x H _y (hơi xăng) ^(a)	µg/m ³	106	28,58	5.000 ⁽²⁾

Ghi chú:

(1): QCVN 05:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh

(2): QCVN 06:2009/BTNMT : Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh

Bảng 5.4. Kết quả thử nghiệm mẫu không khí tại khu vực góc phía Đông Nam kho xăng dầu (Tọa độ vị trí quan trắc X : 2269741; Y: 0593611)

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả mẫu lấy ngày 27/3/2023	Kết quả mẫu lấy ngày 17/5/2023	QCVN
1	Bụi tổng số	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	244	253	300 ⁽¹⁾
2	SO ₂	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	63	66	350 ⁽¹⁾
3	CO	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	<5700	<5700	30.000 ⁽¹⁾
4	NO ₂	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	49	52	200 ⁽¹⁾
5	C _x H _y (hơi xăng) ^(a)	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	91,7	42,6	5.000 ⁽²⁾

Ghi chú:

(1): QCVN 05:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh

(2): QCVN 06:2009/BTNMT : Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh

Bảng 5.5. Kết quả thử nghiệm mẫu không khí tại khu vực góc phía Tây Nam kho xăng dầu (Tọa độ vị trí quan trắc X : 2269939; Y: 0593358)

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả mẫu lấy ngày 27/3/2023	Kết quả mẫu lấy ngày 17/5/2023	QCVN
1	Bụi tổng số	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	260	277	300 ⁽¹⁾
2	SO ₂	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	79	76	350 ⁽¹⁾
3	CO	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	<5700	<5700	30.000 ⁽¹⁾
4	NO ₂	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	63	60	200 ⁽¹⁾
5	C _x H _y (hơi xăng) ^(a)	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	86,9	46,22	5.000 ⁽²⁾

Ghi chú:

(1): QCVN 05:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh

(2): QCVN 06:2009/BTNMT : Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh

Bảng 5.6. Kết quả thử nghiệm mẫu không khí tại khu vực góc phía Đông Bắc kho xăng dầu (Tọa độ vị trí quan trắc X : 2269785; Y: 0593664)

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả mẫu lấy ngày 27/3/2023	Kết quả mẫu lấy ngày 17/5/2023	QCVN
1	Bụi tổng số	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	188	106	300 ⁽¹⁾
2	SO ₂	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	63	61	350 ⁽¹⁾
3	CO	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	<5700	<5700	30.000 ⁽¹⁾
4	NO ₂	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	49	48	200 ⁽¹⁾
5	C _x H _y (hơi xăng) ^(a)	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	126	31	5.000 ⁽²⁾

Ghi chú:

(1): QCVN 05:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh

(2): QCVN 06:2009/BTNMT : Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh

Đánh giá chung: Kết quả thử nghiệm các mẫu không khí tại các khu vực bể chứa dầu (Bảng 5.2), góc phía Tây Bắc kho xăng dầu (Bảng 5.3), góc phía Đông Nam kho xăng dầu (Bảng 5.4), góc phía Tây Nam kho xăng dầu (Bảng 5.5), góc phía Đông Bắc kho xăng dầu (Bảng 5.6) trong các mẫu lấy ngày 27/3/2023 và 17/5/2023 đều đạt yêu cầu khi đối chiếu với các quy chuẩn kỹ thuật liên quan.

Thông tin về tổ chức lấy mẫu và thử nghiệm:

- Tên tổ chức: Trung tâm quan trắc tài nguyên và môi trường – Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nam.

- Địa chỉ: Phường Lam Hạ, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

- Lĩnh vực hoạt động chính: Tư vấn môi trường, quan trắc phân tích môi trường.

- Trung tâm quan trắc tài nguyên và môi trường đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường mã số VIMCERT 081 theo Quyết định số 352/QĐ-BTNMT ngày 25/02/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.

- Phòng Thí nghiệm của Trung tâm đã được Công nhận phù hợp với tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017, số hiệu VILAS 447.

CHƯƠNG VI: CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

Trên cơ sở các công trình bảo vệ môi trường của cơ sở, chủ cơ sở tự rà soát và đề xuất kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải (nếu có) và chương trình quan trắc môi trường trong giai đoạn hoạt động, cụ thể như sau:

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải

Cơ sở đã được Ban quản lý các KCN tỉnh Hà Nam cấp Giấy xác nhận số 01/GXN-BQL ngày 29 tháng 5 năm 2012 về việc đã thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của giai đoạn I Dự án “Xây dựng kho xăng dầu Hà Nam”. Trong đó, các công trình xử lý chất thải đã được xác nhận gồm có:

- Bể tự hoại bốn ngăn để xử lý nước thải sinh hoạt của cán bộ công nhân làm việc tại kho.

- Các hạng mục công trình xử lý nước nhiễm dầu gồm: Hệ thống ống thu nước mưa nhiễm dầu, bể tách xăng dầu, bể lắng cặn, hố thu dầu.

Vì vậy, cơ sở không đề xuất kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải đã được xác nhận nêu trên khi đề xuất cấp giấy phép môi trường.

2. Chương trình quan trắc chất thải

Theo quy định tại khoản 1 và khoản 2, Điều 111 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 và khoản 2, Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ: Do dự án thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ không có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường có lưu lượng xả thải dưới 500 m³/ngày đêm (24 giờ) nên dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc tự động, liên tục, định kỳ đối với nước thải.

3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm

Do cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải, bụi, khí thải công nghiệp nên cơ sở dự kiến không bố trí kinh phí cho hoạt động quan trắc môi trường định kỳ hàng năm.

CHƯƠNG VII: KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ

1. Kết quả kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường năm 2022

Ngày 18/11/2022 Đoàn kiểm tra theo Quyết định số 317/QĐ-STN&MT của Giám đốc Sở TN&MT đã kiểm tra việc chấp hành pháp luật về đất đai và bảo vệ môi trường đối với Chi nhánh xăng dầu Hà Nam với Kho xăng dầu K135 (gồm Kho hang hầm, Bến xuất K135 và Kho xăng dầu Hà Nam). Nội dung kết luận trong Biên bản kiểm tra như sau:

Việc chấp hành pháp luật về đất đai:

Chi nhánh xăng dầu Hà Nam đang hoạt động sản xuất bình thường, sử dụng đất đúng diện tích và mục đích, chấp hành đầy đủ nghĩa vụ tài chính về đất đai.

Việc chấp hành pháp luật bảo vệ môi trường:

Đoàn kiểm tra yêu cầu Chi nhánh:

- Chấp hành nghiêm pháp luật về bảo vệ môi trường và quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường và giấy xác nhận hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường đã được xác nhận; báo cáo công tác bảo vệ môi trường về cơ quan quản lý theo quy định.
- Vận hành thường xuyên các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động.

2. Kết quả kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường năm 2023 và 2024

Trong năm 2023 và 2024 không có các đợt thanh tra, kiểm tra về bảo vệ môi trường của cơ quan có thẩm quyền đối với cơ sở.

Căn cứ vào tình hình hoạt động thực tế từ khi hoạt động đến nay, kho xăng dầu Hà Nam luôn chấp hành tốt pháp luật về bảo vệ môi trường.

CHƯƠNG VII: CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

Công ty TNHH MTV xăng dầu Hà Nam cam kết:

1. Những thông tin, số liệu, tài liệu nêu trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường là chính xác, trung thực. Nếu có gì sai trái, chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

2. Trong quá trình hoạt động chúng tôi cam kết xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan, cụ thể như sau:

Về xử lý nước thải sinh hoạt và nước mưa nhiễm dầu:

Cam kết vận hành hệ thống thu gom, xử lý nước thải (gồm nước thải sinh hoạt và nước mưa nhiễm dầu) đảm bảo không vượt mức giá trị C của các thông số ô nhiễm nước thải công nghiệp tại cột B trong QCVN 40:2011/BTNMT (Cột B) trước khi xả vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Châu Sơn.

Về thu gom, lưu trữ và xử lý chất CTRTT và CTNH:

Cam kết thu gom, lưu giữ và hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển và xử lý các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại, đảm bảo tuân thủ các quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài Nguyên và Môi trường.

Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan:

- Cam kết tuân thủ các quy định chung về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan của dự án.

- Cam kết thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật về phòng cháy và chữa cháy.

- Cam kết thực hiện nghiêm Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu đối với cơ sở đã được Ủy ban Quốc gia Ứng phó sự cố, thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn phê duyệt theo Quyết định số 499/QĐ-UB ngày 27 tháng 8 năm 2024.

- Cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường hoặc để xảy ra sự cố gây ô nhiễm môi trường.

PHỤ LỤC BÁO CÁO

Danh mục các tài liệu có trong Phụ lục báo cáo gồm có:

1. Bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
2. Bản sao Quyết định số 468/PLX-QĐ-HĐQT ngày 05 tháng 6 năm 2024 của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam về việc tách chuyển Chi nhánh Xăng dầu Hà Nam thành Công ty TNHH MTV Xăng dầu Hà Nam do Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam nắm giữ 100% vốn điều lệ;
3. Công văn số 906/UBND-CN ngày 13 tháng 9 năm 2005 của UBND tỉnh Hà Nam về việc chấp thuận điều chỉnh dự án đầu tư vào KCN Châu Sơn, tỉnh Hà Nam của Công ty Xăng dầu Hà Nam Ninh;
4. Quyết định số 758/QĐ-UBND của UBND tỉnh Hà Nam ngày 22 tháng 6 năm 2007 về việc cho Công ty Xăng dầu Hà Nam Ninh thuê đất để xây dựng Kho xăng dầu Hà Nam, tại Khu công nghiệp Châu Sơn, thị xã Phủ Lý;
5. Hợp đồng thuê đất số 120/HĐTĐ ngày 22 tháng 10 năm 2012;
6. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;
7. Bản vẽ hoàn công công trình bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về xây dựng gồm: Bản vẽ hoàn công Mặt bằng thoát nước; bản vẽ hoàn công Mặt bằng trạm xử lý nước thải; bản vẽ hoàn công Cấp thoát nước nhà thường trực; bản vẽ hoàn công Trạm bơm chữa cháy; bản vẽ thi công Nhà bơm nước cứu hỏa, gara ô tô chữa cháy; bản vẽ thi công Nhà thường trực + bảo vệ;
8. Hợp đồng kinh tế số 40/2024/HĐKT về việc cung cấp dịch vụ vệ sinh môi trường ngày 01 tháng 7 năm 2024 giữa Công ty TNHH MTV Xăng dầu Hà Nam và Công ty CPMT và công trình đô thị Hà Nam;
9. Hợp đồng dịch vụ vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại số 10005/2024/HĐKT/ETC ngày 01 tháng 10 năm 2024 giữa Công ty TNHH MTV Xăng dầu Hà Nam và Công ty cổ phần và đầu tư kỹ thuật tài nguyên môi trường ETC;
10. Biên bản đấu nối nước thải ngày 01 tháng 10 năm 2024 giữa Công ty TNHH MTV Xăng dầu Hà Nam và Công ty TNHH MTV VPID Hà Nam;
11. Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ xử lý nước thải (KCN Châu Sơn – Hà Nam) số 01/10/24/XLNT/HVPID-XĂNG DẦU ngày 01 tháng 10 năm 2024 giữa Công ty TNHH MTV VPID Hà Nam và Công ty TNHH MTV Xăng dầu Hà Nam;
12. Các chứng từ chất thải nguy hại: số 6459/20231-2-3-4-5-6.093.VX; số 9510/2024/1-2-3-4-5-6.093.VX; 8766.3/2024/1-2-3-4-5-6.093.VX

13. Các phiếu kết quả quan trắc môi trường tại cơ sở;
14. Công văn số 1013/BQLKCN-MT ngày 23 tháng 8 năm 2022 của Ban Quản lý các KCN tỉnh Hà Nam về việc thực hiện quan trắc môi trường khí thải, nước thải của Kho xăng dầu Hà Nam tại KCN Châu Sơn;
15. Giấy chứng nhận đủ điều kiện về phòng cháy và chữa cháy số 31/ĐK-PCCC(KT) do Công an tỉnh Hà Nam cấp;
16. Biên bản kiểm tra an toàn về phòng cháy, chữa cháy ngày 16 tháng 4 năm 2024 của Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH Công an tỉnh Hà Nam;
17. Quyết định số 499/QĐ-UB ngày 27 tháng 8 năm 2024 của Ủy ban Quốc gia Ứng phó sự cố, thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn về việc Phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của Kho xăng dầu K135, thuộc Công ty Xăng dầu Hà Nam (Kho xăng dầu K135 gồm: Kho hang hầm, kho xăng dầu Hà Nam, Bến xuất xăng dầu);
18. Biên bản kiểm tra của Đoàn kiểm tra theo Quyết định số 317/QĐ-STN&MT ngày 31/10/2022 của Giám đốc Sở TN&MT về việc kiểm tra việc chấp hành pháp luật về đất đai và bảo vệ môi trường đối với Chi nhánh xăng dầu Hà Nam;
19. Bản sao quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án;
20. Giấy xác nhận số 01/GXN-BQL ngày 29 tháng 5 năm 2012 của Ban quản lý các KCN tỉnh Hà Nam về việc đã thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của giai đoạn I Dự án “Xây dựng kho xăng dầu Hà Nam”;
21. Bản sao báo cáo đánh giá tác động môi trường.